



TỪ MỘT NỀN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SANG MỘT NỀN KINH TẾ NÔNG NGHIỆP

Đồng chí LÊ MINH HOAN
Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng,
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

Những năm gần đây, xứ mình liên tục xuất hiện những chiến dịch “giải cứu” nông sản với tần suất ngày càng nhiều hơn, trên nhiều loại nông sản hơn. Nhiều nông dân gặp nhau giờ đây hay trầm ngâm: không biết rồi đây chừng nào tới lượt mình “được giải cứu” đây? Lại lo âu, lại thắc thỏm! Trước nay, bà con sản xuất thì “trông trời, trông đất, trông mây”, bây giờ không lẽ lại “trông giải cứu”?!

Sau nhiều lần tranh luận, bàn bạc, Cục Chế biến và phát triển thị trường nông sản được thành lập - một tín hiệu vui dù hơi muộn. Hình như hơn 30 năm chuyển sang nền kinh tế thị trường, nhưng đôi khi trong tư duy của chúng ta chưa chuyển biến kịp, hoặc tư duy đã thay đổi rồi nhưng do thói quen nên hành động lại chậm thay đổi. Kinh tế thị trường thì có nguyên lý này, lý thuyết kia nhưng tựu trung lại, sản xuất theo thị trường phải lấy đầu ra để quyết định đầu vào.

Trong một thời gian dài, khẩu hiệu của chúng ta là “Tất cả cho sản xuất”, lấy năng suất, sản lượng làm chỉ tiêu, làm mệnh lệnh cho ngành và cả hệ thống. Cả bộ máy ngành nông nghiệp được thành lập trên - dưới



Mô hình canh tác xoài theo hướng GAP

- ngang - dọc đều mang sứ mạng làm sao cho sản lượng cao nhất, năm sau phải cao hơn năm trước. Năng suất cao hơn là nhờ công sức của các viện, trường, nhà khoa học. Dịch bệnh được khống chế là nhờ các cơ quan bảo vệ thực vật, thú y... Rồi mừng công khi địa phương được gia nhập câu lạc bộ 1 triệu tấn, 2 triệu tấn, 3 triệu tấn. Người nông dân rạo rờ vì trúng mùa.

Nhưng ngày vui rồi cũng qua, trái ngọt đôi khi trở thành quả đắng. Điệp khúc “được mùa mất giá” như một lời nguyền đè nặng một nền nông nghiệp manh mún, nhỏ lẻ, tự phát. VẬY MỚI CÓ CÂU CHUYỆN “nông nghiệp giải cứu”, “nông nghiệp từ thiện”. Trên trách dưới, dưới trách trên. Rồi đại biểu chất vấn, bộ ngành trả lời. Chính quyền thì trách bà con: sản xuất theo tâm lý đám đông,☞

“thấy người ta ăn khoai cũng xúc mai đi đào”. Bà con lại trách nhà nước, không đẩy mạnh tìm kiếm thị trường hoặc sao không cấm nông sản xứ người xâm nhập vào xứ mình? Nhà này trách nhà kia. Vậy là mối liên kết của mô hình “4 nhà” đã có gì đó lỏng lẻo, không bền chặt.

Nền kinh tế thị trường, nói cho đơn giản là bán cái thị trường cần chứ không phải bán cái mình có. Vậy thì, thị trường cần gì? Là số lượng, là chất lượng hay giá cả hợp lý?

Nước ta có thể tự hào là một quốc gia có nhiều tiềm năng phát triển nông nghiệp, thậm chí ai đó còn nói đùa, mình là “nồi cơm của cả thế giới”. Nhưng người ta thì đánh giá rằng nông nghiệp xứ mình có hai điểm yếu chí mạng, đó là chi phí thì cao mà chất lượng thì kém. Trong các bản kế hoạch hay tổng kết ngành nông nghiệp hiếm khi đánh giá hai điểm yếu này. Chi phí đầu vào mà cao thì làm sao cạnh tranh được về giá, khi mà nông nghiệp trên thế giới tiết kiệm từng loại vật tư đầu vào, ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nên giá thành rẻ hơn chúng ta. Lại thêm

chất lượng nông sản kém thì làm sao người tiêu dùng chấp nhận khi mà vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm đang là nỗi lo canh cánh trong mỗi bữa ăn của từng người.

Như vậy, nếu quan niệm nông nghiệp chỉ là một ngành sản xuất, chỉ đánh giá sự phát triển thông qua năng suất, sản lượng thì không thể thoát khỏi tình cảnh giải cứu như trong thời gian qua. Ở nhiều quốc gia khác, người ta định vị ngành nông nghiệp là cơ sở của công nghiệp chế biến và thương mại. Vì vậy, chỉ khi làm tốt hai lĩnh vực chế biến và tổ chức hệ thống tiếp thị, phân phối thì mới thoát ra cái bẫy lũng nhùng như hiện nay.

Với tư duy nông nghiệp như là một ngành sản xuất, thời gian qua, hoạt động khuyến nông đã có những đóng góp không nhỏ. Nhưng nếu chuyển sang tư duy nông nghiệp như một ngành kinh tế, thì hoạt động khuyến nông cần phải định vị lại vai trò. Ở thời điểm hiện tại, khuyến nông không chỉ dừng lại ở chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, trình diễn mô hình mà còn phải tăng cường thông tin thị trường; hướng dẫn người sản xuất cách thức bảo quản sau thu

hoạch, sơ chế, chế biến nông sản; biết cách tiếp thị để đưa sản phẩm ra thị trường. Đó chính là giải pháp khắc phục tình trạng dư thừa lúc chính vụ dẫn đến câu chuyện giải cứu như thời gian qua.

Để khắc phục được 2 điểm yếu chi phí cao mà chất lượng lại kém của ngành nông nghiệp. Cả hệ thống, từ nhà quản lý, nhà khoa học đến người nông dân và cộng đồng doanh nghiệp phải cùng hành động. Nếu không điệp khúc “sức cạnh tranh kém”, “thua ngay trên sân nhà” ... vẫn sẽ tiếp tục được nêu ra từ năm này sang năm khác.

Khi chuyển động từ một nền sản xuất sang một nền kinh tế thì không thể không định vị lại và nhận thức đúng đắn hơn vai trò của cộng đồng doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân. Thông tin thị trường gần nhất chính là cộng đồng doanh nghiệp. Sự năng động, nhanh nhạy thích ứng với sự thay đổi của thị trường thường khởi nguồn từ doanh nghiệp. Nếu tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển từ một nền sản xuất sang một nền kinh tế mà không có sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp thì rất khó thành công □



TRIỂN KHAI QUYẾT LIỆT CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG BỆNH VIÊM DA NỔI CỤC TRÊN TRÂU, BÒ

Ngày 17/5/2021, Thủ tướng Chính phủ có Công điện 631/CP-TTg yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp kiểm soát phòng, chống bệnh viêm da nổi cục trên trâu, bò.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bệnh viêm da nổi cục (VDNC) trên trâu, bò lần đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam vào tháng 10/2020; đến ngày 10/5/2021, đã có trên 1.660 ổ dịch xảy ra tại 1.622 xã, thuộc 204 huyện của 29 tỉnh, thành phố với tổng số gia súc mắc bệnh trên 44.700 con, số chết và tiêu hủy trên 5.100 con. Dự báo trong thời gian tới dịch bệnh VDNC sẽ tiếp tục lây lan trên diện rộng, nhất là trong điều kiện thời tiết thay đổi, mùa phát triển của các loại véc - tơ truyền bệnh (ruồi, muỗi, ve, mòng...).

Để công tác phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh VDNC bảo đảm kịp thời, hiệu quả, giảm thiệt hại đến mức thấp nhất cho người chăn nuôi, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng, chống dịch bệnh VDNC theo quy định của pháp luật về thú y và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; chịu trách nhiệm toàn diện về công tác phòng, chống dịch bệnh VDNC trên địa bàn tỉnh, thành phố; chú trọng những nội dung sau:



Các địa phương cần tổ chức tốt việc tiêm vắc - xin phòng chống bệnh viêm da nổi cục cho trâu, bò

a. Đối với các địa phương đang có dịch bệnh VDNC cần thực hiện công bố dịch theo quy định; tập trung các nguồn lực và áp dụng đồng bộ các giải pháp để kiểm soát, xử lý dứt điểm các ổ dịch theo đúng quy định, không để dịch bệnh lây lan, dây dưa kéo dài;

b. Tổ chức tốt việc tiêm vắc - xin, giám sát, phát hiện sớm, kịp thời cảnh báo và xử lý triệt để các ổ dịch mới phát sinh, không để lây lan diện rộng; hướng dẫn chủ chăn nuôi trâu, bò tăng cường áp dụng các biện pháp chủ động phòng dịch; tổ chức tổng vệ sinh, sát trùng, tiêu độc, có giải pháp ngăn chặn, tiêu diệt ruồi, muỗi, ve, mòng... truyền bệnh;

c. Có kế hoạch và bố trí kinh phí để tổ chức phòng, chống dịch bệnh VDNC bảo đảm kịp thời, hiệu quả, theo đúng quy định của pháp luật;

d. Giám sát chặt chẽ việc tập kết, buôn bán trâu, bò, sản phẩm từ trâu, bò; xử lý nghiêm đối với các trường hợp vận chuyển, buôn bán trâu, bò, sản phẩm từ trâu, bò nhập lậu qua biên giới, không rõ nguồn gốc. Tăng cường kiểm tra việc bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, nhất là tại các cơ sở giết mổ, chế biến, tiêu thụ và vận chuyển trâu, bò;

đ. Kịp thời cung cấp các thông tin về tình hình dịch bệnh và đẩy mạnh tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh VDNC, bảo đảm vệ sinh trong chăn nuôi, giết mổ trâu, bò, không sử dụng sản phẩm từ trâu, bò không rõ nguồn gốc, chưa qua kiểm dịch;

e. Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện phòng, chống bệnh VDNC tại cơ sở.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, địa phương tập trung triển khai các nội dung sau:

a. Bố trí nguồn lực, sử dụng kinh phí đã được cấp để chủ động giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh, bảo đảm phát hiện sớm, cảnh báo và chỉ đạo xử lý triệt để ổ dịch, không để dịch bệnh lây lan diện rộng;

b. Chỉ đạo, hướng dẫn việc nhập khẩu vắc-xin để phòng, chống dịch bệnh; khẩn trương hoàn thiện việc kiểm nghiệm, khảo nghiệm cho phép lưu hành các loại vắc-xin phòng bệnh VDNC theo quy định;

c. Tổ chức hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc phòng, chống dịch bệnh tại một số địa phương, nhất là nơi đang có dịch bệnh;

d. Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tổ chức nghiên cứu về dịch tễ của bệnh VDNC; các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; nghiên cứu, sản xuất vắc-xin phòng bệnh VDNC trong nước;

đ. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật, trong đó có bệnh VDNC bảo đảm thống nhất, hiệu quả, phù hợp với điều

kiện cụ thể và khả năng cân đối ngân sách, đúng quy định của pháp luật;

e. Chủ động phối hợp với các tổ chức quốc tế và các nước trong việc chia sẻ, hỗ trợ Việt Nam trong công tác phòng, chống dịch bệnh VDNC.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí Trung ương và địa phương kịp thời cung cấp các thông tin về tình hình dịch bệnh và đẩy mạnh tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh VDNC để người dân không hoang mang, chủ động áp dụng các biện pháp phòng bệnh theo hướng dẫn của các cơ quan chuyên ngành.

4. Bộ Tài chính: Bố trí kinh phí phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh VDNC theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Thú y và các văn bản pháp luật liên quan; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nghiên cứu, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh động vật, trong đó có bệnh VDNC bảo đảm thống nhất, hiệu quả, phù hợp với điều kiện cụ thể và khả năng cân đối ngân sách, đúng quy định của pháp luật.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ: Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ưu tiên bố trí nguồn lực để tổ chức nghiên cứu về dịch tễ của bệnh VDNC, các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, nghiên cứu, sản xuất vắc-xin VDNC.

6. Ban Chỉ đạo 389 quốc gia: Chỉ đạo việc phối hợp giữa các cơ quan và các lực lượng chức năng kịp thời phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp buôn lậu, vận chuyển trái phép trâu, bò, sản phẩm từ trâu, bò từ nước ngoài vào Việt Nam □

BBT (gt)

Ngày 26/4/2021, tại Hà Nội Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức Hội nghị “Triển khai các giải pháp phát triển chăn nuôi và thủy sản trong tình hình mới”. Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT Phùng Đức Tiến chủ trì hội nghị. Ngày 19/5/2021, Văn phòng Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Thông báo số 2908/TB-BNN-VP về Ý kiến kết luận của Thứ trưởng, nội dung cụ thể như sau:

Để giữ vững tốc độ tăng trưởng, ổn định thị trường sản phẩm, kiểm soát giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản thành phẩm, giá sản phẩm, tiếp tục phát triển sản xuất bền vững ngành chăn nuôi, thủy sản, cần tập trung thực hiện một số giải pháp tổng thể như sau:

- Triển khai Luật Chăn nuôi, Luật Thú y gắn với Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 bằng các Đề án, Chương trình, nhiệm vụ cụ thể với sự tham gia của các tổ chức khoa học, công nghệ, thành phần kinh tế và cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương. Cục Chăn nuôi chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tập trung cao độ, dành mọi nguồn lực để hoàn thiện 05 Đề án ưu tiên thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi sớm trình báo cáo Bộ, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (dự kiến trong Quý II/2021).

- Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh kể cả khi đã có vắc - xin phòng bệnh.

- Đẩy mạnh đổi mới công nghệ, liên kết sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản theo chuỗi giá trị; tăng cường chế biến, chế biến sâu gắn với thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi, thủy sản.

KẾT LUẬN CỦA THỦ TRƯỞNG PHÙNG ĐỨC TIẾN TẠI HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018, rà soát những tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện để sửa đổi, bổ sung kịp thời nhằm hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp.

- Cục Chăn nuôi bám sát tiến độ, tăng cường phối hợp với Văn phòng Chính phủ để triển khai việc xây dựng chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ thông qua xây dựng văn bản thay thế Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 4/9/2014 cho phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cập nhật báo cáo Thủ trưởng phụ trách chi tiết về tiến độ triển khai thực hiện; Cục Chăn nuôi chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có cơ chế, chính sách hỗ trợ về tín dụng và tài chính cho doanh nghiệp; phối hợp với cơ quan liên quan thuộc Bộ Giao thông vận tải tạo điều kiện thuận lợi về dịch vụ logistics, kho bãi... góp phần giảm chi phí đầu vào đối với sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản.

- Tổng Cục Thủy sản khẩn trương tổ chức Hội nghị triển khai Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045; Khẩn trương xây dựng và hoàn thiện 11 Chương trình đề án thực hiện Chiến lược Phát triển thủy sản nhằm tận dụng mọi nguồn lực để thúc đẩy phát triển bền vững ngành thủy sản; Triển khai quyết liệt nội dung kết luận của Lãnh đạo Bộ tại Hội nghị triển khai kế hoạch phòng, chống dịch bệnh thủy sản.



Đẩy mạnh liên kết sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản theo chuỗi giá trị

- Cục Thú y, Cục Bảo vệ Thực vật đẩy mạnh rà soát, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính trong hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng, an toàn thực phẩm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, thủy sản nhập khẩu bảo đảm thời gian thực hiện ngắn nhất, chất lượng đạt được tốt nhất.

- Vụ Hợp tác quốc tế, Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Bộ Công thương đàm phán mở rộng thị trường, đàm phán với các đối tác mà Việt Nam nhập khẩu số lượng lớn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (Mỹ, Ac-hen-ti-na, Bra-xin, Ấn Độ...) có chính sách ưu đãi về giá, ưu tiên đáp ứng đủ số lượng và bảo đảm chất lượng nguyên liệu thức ăn cho hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản tại Việt Nam.

- Viện Chăn nuôi, Viện Thú y, Học viện Nông nghiệp Việt Nam và các Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong đó chú trọng nghiên cứu về giống, nguyên liệu thay thế, phụ phẩm thức ăn chăn nuôi, chế biến, bảo quản để nâng cao giá trị sử dụng và đa dạng nguồn nguyên liệu cho hoạt động chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Đối với các Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương tăng cường xây dựng, hoàn thiện trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 và Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045 đồng thời tiếp tục phổ biến Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật tại địa phương □

BBT (gt)



KHẨN TRƯỞNG PHÒNG CHỐNG NẮNG NÓNG CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG NUÔI THỦY SẢN

Ngày 02/6/2021 Tổng cục Thủy sản đã có văn bản gửi Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố về việc tăng cường quản lý nuôi trồng thủy sản trong điều kiện thời tiết nắng nóng năm 2021.

Theo Dự báo của Trung tâm Dự báo Khí tượng thủy văn Quốc gia, nắng nóng và nắng nóng gay gắt sẽ xảy ra tại khu vực miền Bắc và Nam Trung Bộ từ tháng 6 đến tháng 8/2021 với nền nhiệt phổ biến 37 - 40°C, mỗi đợt nắng nóng kéo dài từ 4 - 6 ngày. Kết quả quan trắc, giám sát môi trường tại các ao nuôi, vùng bãi triều và đầm/vịnh cho thấy nhiệt độ nước có xu hướng tăng cao ($\geq 33^\circ\text{C}$) từ 13 - 15 giờ trong ngày. Hiện tượng nắng nóng bất thường, hạn hán có thể xảy ra ở nhiều địa phương; sau nắng nóng rất có thể sẽ có mưa dông, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh trưởng và phát triển của thủy sản nuôi.

Để kịp thời ứng phó với các hiện tượng bất thường của thời

tiết, hạn chế thấp nhất tác động tiêu cực đối với sản xuất thủy sản, Tổng cục Thủy sản đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương triển khai ngay một số nội dung:

1. Chủ động theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; tăng cường quan trắc cảnh báo và giám sát môi trường vùng nuôi; triển khai ngay các khuyến cáo qua các bản tin cảnh báo môi trường của Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản I, II, III và đơn vị quan trắc của địa phương.

2. Phổ biến và hướng dẫn người nuôi thực hiện tốt các giải pháp kỹ thuật ứng phó với nắng nóng, hạn hán và biến động bất thường của thời tiết, ổn định môi trường ao nuôi, nâng cao sức đề kháng cho thủy sản nuôi. Đặc biệt chú ý khẩu phần ăn, chế độ ăn cho phù hợp; thường xuyên quan sát diễn biến của môi trường và thủy sản nuôi, nhất là vào sáng sớm và chiều tối để có biện pháp xử lý kịp thời.

3. Hướng dẫn người nuôi chủ động trong phòng chống dịch bệnh thủy sản theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn. Khi phát hiện thủy sản nuôi có dấu hiệu dịch bệnh, cần có biện pháp xử lý và báo cáo ngay với cơ quan chức năng theo quy định.

4. Thường xuyên tổ chức nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy các công trình thủy lợi nhằm đảm bảo nguồn nước cho hoạt động nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là nuôi tôm nước lợ.

5. Hướng dẫn người nuôi làm tốt công tác cải tạo ao, đầm, chuẩn bị đủ các điều kiện để thả giống thủy sản nuôi, thả giống với mật độ hợp lý và có biện pháp chăm sóc đúng kỹ thuật đồng thời chỉ thả giống khi điều kiện thời tiết phù hợp với thủy sản nuôi. Thả giống chất lượng tốt, mua ở các cơ sở được chứng nhận đủ điều kiện và được kiểm dịch theo quy định □

BBT (gt)



Mô hình thí điểm trồng bí ngô TRÊN ĐẤT BỒI LẤP SAU MƯA LŨ

Vùng đồng Hà Mẫu thuộc thôn Khương Hà 3, xã Hưng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình vốn trước đây trồng màu (ngô, lạc, ớt, kê...), nhưng sau trận lũ kinh hoàng cuối năm 2020 đã bị vùi lấp trong biển đất bùn sét. Những vùng đất ấy phải bỏ hoang, không thể sản xuất được, vậy mà được sự hỗ trợ và tư vấn của các cơ quan chuyên môn ngành nông nghiệp, cùng với sự nỗ lực quyết tâm của bà con; cánh đồng bị lũ vùi lấp trong đất đỏ giờ đây đã phủ kín sắc xanh của cây và màu vàng của hoa, hứa hẹn sự hồi sinh trở lại.

Ông Lê Xuân Uyển, Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn Khương Hà 3, cho biết: Vùng đồng Hà Mẫu có diện tích khoảng 2,5 ha, hàng năm bà con chủ yếu canh tác các loại cây trồng cạn như lạc, ngô, ớt... mang lại hiệu quả khá, nhất là cây ớt cho thu nhập rất cao. Tuy nhiên, sau đợt mưa lũ cuối tháng 10/2020, toàn bộ cánh đồng bị vùi lấp bởi lớp bùn sét đỏ dày trên nửa mét. Bà con đã cải tạo được 0,5 ha hiện đang trồng lạc, ngô; còn 1 ha được Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, Sở Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư tỉnh thực hiện mô hình thí điểm trồng các giống bí, vừa giúp bà con tạo sinh kế trước mắt và về lâu dài cải tạo dần kết cấu đất để tiếp tục sản xuất cho những vụ mùa sau.

Mô hình thí điểm trồng các loại bí được thực hiện trên 800 hố, với các giống như: bí siêu ngon, bí đỏ F1, bí ruột đỏ mật, bí hạt đậu trái dài... Mô hình có sự tham gia của 12 hộ dân ở thôn Khương Hà 3. Được sự hỗ trợ về chuyển giao kỹ thuật của Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư tỉnh, tất cả các công đoạn từ đào hố, xử lý giá thể, xuống giống đến chăm sóc, thu hoạch và kết nối tiêu thụ sản phẩm đều được thực hiện khoa học và thuận lợi. Sau hơn 3 tháng thực hiện, mô hình đã bước đầu cho kết quả, được bà con đánh giá cao.

Giữa ruộng bí xanh mơn mớn đầy hoa, trái, ông Lê Xuân Uyển hào hứng cho biết: Cây bí mỗi năm có thể trồng được 2 vụ nhưng phù hợp nhất là vụ đông - xuân, nếu trồng trái vụ (vụ hè - thu) thì giá thành có thể cao hơn. Mỗi vụ thu hoạch nhiều lứa cả bí quả và ngọn bí. So với các loại cây trồng khác thì cây bí dễ trồng, cho sản phẩm nhanh. Đối với mô hình đang thực hiện, nhờ sự hỗ trợ về kỹ thuật của cán bộ khuyến nông, bà con đã tích cực chăm sóc đúng quy trình nên ngọn bí nhiều, hoa rực rỡ, quả sai và đồng đều, cho năng suất khá. Hiện tại, bà con đã thu hoạch được khoảng 1.000 bó ngọn và trên 500 quả bí. Diện tích trồng bí này dự kiến còn thu hoạch được 2 - 3 lứa ngọn nữa, tuy so với trồng rau màu trước đây hiệu quả không cao vượt trội nhưng so với việc không thể canh tác được cây gì sau lũ ở cánh đồng này thì cây bí chính là "cứu cánh", là cơ hội để bà con tạo sinh kế và cải tạo đất sau lũ.

Theo ông Lê Thuận Trung, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư Quảng Bình, mô hình trồng thí điểm các giống bí trên vùng đất bị bồi lấp sau mưa lũ tại xã Hưng Trạch đạt hiệu quả bước đầu. Cây sinh trưởng, phát triển tốt, thu hoạch được sản phẩm bí ngon, bí quả tạo nguồn thu nhập cho bà con. Đối với diện tích đất bùn sét không thể canh tác được, việc thí điểm trồng bí sẽ góp phần chuyển đổi loại cây trồng phù hợp, đồng thời về lâu dài sẽ giúp cải tạo dần kết cấu nền đất để đưa vùng đất vào sản xuất cây màu trong những năm tiếp theo.

Dù chỉ mới trồng thí điểm nhưng mô hình được bà con đánh giá cao, bà con phấn khởi có thêm nguồn thu nhập mà không phải để đất trống. Đặc biệt, vào những đợt thu hoạch sản phẩm; Công đoàn Trung tâm Khuyến nông - Khuyến ngư tỉnh đều kết nối với công đoàn các đơn vị trong ngành và một số nhà hàng trên địa bàn tỉnh giúp tiêu thụ đầu ra nên bà con rất phấn khởi và có động lực để tiếp tục hăng say sản xuất. Bên cạnh đó, ngoài cây bí, đơn vị cũng sẽ tiếp tục nghiên cứu trồng thí điểm những loại cây trồng khác phù hợp với vùng đất bùn sét để từng bước giúp bà con tạo sinh kế cũng như cải tạo đất đai một cách bền vững. □

NGỌC LAN
Trung tâm KNKN Quảng Bình

HIỆU QUẢ BƯỚC ĐẦU MÔ HÌNH ỨNG DỤNG TỜI THỦY LỰC TRONG KHAI THÁC NGHỀ LƯỚI RÊ

Những năm gần đây, một trong những thách thức gây trở ngại đến quá trình phát triển nghề lưới rê khai thác xa bờ là tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực, và tình trạng suy giảm nguồn lợi thủy sản ven bờ, trong khi đó nguồn lợi xa bờ còn nhiều tiềm năng nhưng chưa được khai thác. Vì vậy, xu hướng lưới rê được trang bị dài hơn để đánh bắt ở những vùng biển xa bờ hơn, vùng nước sâu hơn,... ngày càng phổ biến. Từ đây, đặt ra yêu cầu cấp thiết về trang bị cơ giới hoá, hiện đại hóa trong các khâu, các công đoạn tìm kiếm ngư trường, kiểm soát lưới, đặc biệt khâu thu - thả lưới trên tàu nghề rê tầng đáy vùng khơi.

Xuất phát từ yêu cầu trên, năm 2020, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã phê duyệt Dự án: "Xây dựng mô hình tời thủy lực thu lưới rê tầng đáy cho các đội tàu khai thác hải sản xa bờ". Dự án do Viện Nghiên cứu Hải sản chủ trì, triển khai giai đoạn 2020 - 2022 tại các tỉnh: Nghệ An, Quảng Nam, Ninh Thuận, Thừa Thiên Huế, Hải Phòng, Quảng Bình. Qua 1 năm thực hiện tại các tỉnh Nghệ An, Hải Phòng, Quảng Bình, dự án đã bước đầu cho những kết quả nổi bật, cụ thể như sau:

Áp dụng thu lưới rê tầng đáy bằng hệ thống tời thủy lực giúp tàu mô hình tiết giảm số lượng lao động từ 2 - 3 người, đồng thời gia tăng tuổi thọ dây giềng tời lên đến trên 1,5 lần so với tàu cá cùng loại nghề sử dụng tời cơ ma sát truyền thống.

Tời thủy lực có tốc độ thu lưới nhanh hơn (khoảng 1 - 1,5 phút/cheo lưới) và có thể thay đổi tốc độ thu lưới theo ý muốn. Trong



Mô hình tời thủy lực thu lưới rê tầng đáy cho các đội tàu khai thác hải sản xa bờ



Tời thủy lực lắp trên tàu cá

khi đó tời cơ ma sát thu lưới có tốc độ chậm hơn (khoảng 2,5 - 3 phút/cheo lưới) và không thể thay đổi tốc độ theo ý muốn. Với tốc độ thu lưới nhanh hơn việc ứng dụng tời thủy lực trên tàu khai thác lưới rê tầng đáy cho phép tàu có thể trang bị tăng thêm từ 20 - 70 cheo lưới, giúp tăng sản lượng, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế. Qua theo dõi, lợi nhuận trung bình tàu mô hình đạt từ 46,4 ($\pm 9,2$) triệu đồng/tàu/chuyến biển 8 ngày; thu nhập lao động đạt 12,4 triệu đồng/người/tháng.

Ngoài ra, do được thiết kế chuyên dụng, tời có cấu tạo gồm hệ thống bơm thủy lực, lò giữa chịu lực tải chính và các con lăn kẹp giữ giềng tời giúp người lao động không phải tham gia kéo lưới trực tiếp, lao động an toàn hơn, đặc biệt là trong điều kiện sóng to, gió lớn.

Việc ứng dụng máy tời thủy lực trong khai thác hải sản nhằm tăng năng suất lao động, từng bước tháo gỡ tình trạng thiếu lao động nghề biển, hướng đến phát triển nghề cá hiện đại. Với kết quả bước đầu của dự án ngoài việc giúp giảm lao động, tăng sản lượng, hiệu quả kinh tế, dự án còn giúp các nhà quản lý có định hướng phát triển nghề khai thác xa bờ, từng bước hiện đại hóa ngành nghề khai thác. Trong thời gian tới, phát huy kết quả đã đạt được, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia sẽ phối hợp chặt chẽ với tổ chức chủ trì tăng cường tuyên truyền, nhân rộng, phổ biến mô hình.

NGUYỄN ĐỨC BÌNH
Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

NUÔI THỎ THƯƠNG PHẨM AN TOÀN SINH HỌC GẮN VỚI TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Năm 2020, Trung tâm Khuyến nông Thái Bình đã phối hợp với các địa phương triển khai xây dựng mô hình nuôi thỏ thương phẩm an toàn sinh học gắn với tiêu thụ sản phẩm tại 4 xã: xã Hòa Bình (huyện Vũ Thư), xã Quỳnh Hoa (huyện Quỳnh Phụ), xã Đông Phương và xã Trọng Quan (huyện Đông Hưng). Các hộ được lựa chọn tham gia mô hình đều đảm bảo các tiêu chí theo yêu cầu để ra như: có khu chăn nuôi đảm bảo đủ diện tích, đủ lồng sàn theo tiêu chuẩn kỹ thuật, có chuồng trại riêng biệt với các đối tượng nuôi khác, có điều kiện duy trì và mở rộng quy mô sản xuất trong những năm tiếp theo.



Các đại biểu tham quan mô hình nuôi thỏ thương phẩm an toàn sinh học gắn với tiêu thụ sản phẩm tại xã Trọng Quan, huyện Đông Hưng

Đàn thỏ giống New Zealand có quy mô 1.600 con (400 con/hộ). Con giống được cung cấp bởi cơ sở có uy tín, đảm bảo an toàn dịch bệnh. Các hộ tham gia mô hình được hỗ trợ 50% số tiền mua thỏ giống và được hỗ trợ một phần thức ăn hỗn hợp. Bên cạnh đó, các hộ dân còn được cán bộ kỹ thuật hướng dẫn quy trình chăn nuôi thỏ thương phẩm theo hướng VietGAHP. Chuồng nuôi đảm bảo ấm áp về mùa đông và thoáng mát về mùa hè, có hệ thống cung cấp nước uống tự động; máng ăn được vệ sinh sạch sẽ hàng ngày; định kỳ phun tiêu độc khử trùng chuồng trại và khu vực xung quanh chuồng 1 - 2 lần/tuần; hố khử trùng trước cửa chuồng nuôi được bổ sung/thay mới bằng vôi bột; chất thải được thu gom xử lý đúng nơi quy định đảm bảo chuồng nuôi luôn thông thoáng, giảm thiểu mùi hôi, hạn chế ô nhiễm môi trường.

Hộ ông Lê Văn Quân ở xã Hòa Bình, huyện Vũ Thư đã tận dụng phân thỏ nuôi giun quế, đảm bảo vệ sinh môi trường, cao hiệu quả chăn nuôi. Thỏ giống khi bắt đầu nuôi có khối lượng trung bình 0,6 kg/con, sau 13 tuần nuôi, kết quả mô hình như sau: Tỷ lệ nuôi sống

đạt 97,31%; trọng lượng bình quân đạt 2,72 kg/con; hệ số tiêu tốn thức ăn/1 kg tăng trọng là 2,88 kg. Các chủ hộ đã xuất bán thỏ với giá 80.000 - 85.000 đồng/kg hơi, thu lãi 69,411 triệu đồng/1.600 con.

Trung tâm Khuyến nông tỉnh đã liên kết với Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ chăn nuôi thỏ Thái Thụy để cung cấp thỏ giống và thu mua toàn bộ sản phẩm thỏ thịt cho các hộ theo giá thỏa thuận. Nhờ có hình thức liên kết bao tiêu sản phẩm đã tạo điều kiện thuận lợi giúp người chăn nuôi có đầu vào, đầu ra ổn định, từ đó các hộ tiếp tục mở rộng sản xuất trong những năm tiếp theo.

Hiện nay, sau khi kết thúc mô hình nuôi thỏ thương phẩm, hộ ông Lê Văn Quân đã mở rộng sản xuất, nuôi đàn thỏ sinh sản với quy mô 60 con thỏ bố mẹ, 120 con thỏ hậu bị và trên 200 con thỏ thịt. Đây thực sự là mô hình khuyến nông có hiệu quả và có sức lan tỏa trong cộng đồng.

Từ kết quả thực hiện mô hình có thể khẳng định, nuôi thỏ thương phẩm an toàn sinh học gắn với tiêu thụ sản phẩm phù hợp với điều kiện chăn nuôi nông hộ, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Trong thời điểm hiện nay, khi chăn nuôi lợn

vẫn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát bệnh dịch tả lợn châu Phi thì phát triển chăn nuôi thỏ là một định hướng phù hợp với nhiều địa phương. Mô hình góp phần tăng thêm thu nhập cho nông dân, đồng thời thúc đẩy nghề nuôi thỏ phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa; từng bước tạo việc làm ổn định, giúp cho bà con có mối liên kết tiêu thụ sản phẩm mở rộng chăn nuôi thỏ để cung cấp sản phẩm thịt có chất lượng cao cho thị trường trong nước, xuất khẩu và cung cấp nguyên liệu phục vụ cho ngành y dược.

Thông qua các buổi hội nghị, tham quan, tổng kết mô hình tại các điểm trình diễn; các đoàn đại biểu, các hộ nông dân đều đánh giá cao về hiệu quả kinh tế, môi trường và xã hội của mô hình. Mô hình nuôi thỏ thương phẩm an toàn sinh học gắn với tiêu thụ sản phẩm chắc chắn sẽ được nhân rộng cho các hộ xung quanh, giúp bà con nông dân, các đoàn viên thanh niên và những người có tâm huyết với nghề nuôi thỏ sẽ thành công và làm giàu trên chính mảnh đất quê hương của mình □

NGUYỄN THỊ CHÚT
Trung tâm Khuyến nông Thái Bình

Phát triển sản xuất ngô sinh khối tại Hưng Yên

Tỉnh Hưng Yên có hàng nghìn héct ta diện tích trồng ngô, tập trung chủ yếu tại các huyện Phù Cừ (300 ha), Kim Động (190 ha), Khoái Châu (200 ha), Ân Thi (120 ha), trong đó diện tích trồng ngô sinh khối chiếm khoảng 1/6 tổng diện tích trồng ngô. Trồng ngô sinh khối đơn giản, ít tốn công lao động, giá trị kinh tế cao hơn so với trồng lúa vì thu hoạch ngô sinh khối vào giai đoạn ngô chín sấp có khối lượng riêng cao nhất, mỗi héct - ta cho thu hoạch từ 45 - 60 tấn ngô sinh khối, với giá bán khoảng 950 đồng/kg, mỗi năm trồng được 3 vụ, trừ chi phí cho thu lãi khoảng 65 triệu đồng/ha, cao hơn trồng lúa từ 2 - 2,5 lần. Tại Hưng Yên đã có một số địa phương quan tâm đến việc trồng ngô sinh khối để phục vụ chăn nuôi bò thịt và bò sinh sản tại địa phương.

Gần đây, một số hộ nông dân ở xã Tân Hưng, thành phố Hưng Yên đã bắt đầu quan tâm đến sản xuất ngô sinh khối để phục vụ chăn nuôi bò thịt và bò sinh sản. Ông Trần Văn Mỹ ở thôn Quyết Thắng, xã Tân Hưng, thành phố Hưng Yên chia sẻ, trong những năm qua ông đã thử trồng nhiều loại cây trồng khác nhau, trong đó có cả trồng ngô lấy hạt. Gần đây, số lượng bò thịt và bò sinh sản của xã phát triển nhanh, các hộ chăn nuôi bò có nhu cầu khá lớn về ngô sinh khối, nên ông đã chuyển đổi từ trồng lúa kém hiệu quả sang trồng ngô sinh khối, rút ngắn được thời vụ. Nếu

trồng ngô lấy hạt thời gian cho thu hoạch từ 110 - 125 ngày thì trồng ngô sinh khối chỉ sau 80 - 90 khi bắp cuối chín sũa và bắt đầu bước vào giai đoạn chín sấp là thu hoạch được. Việc rút ngắn thời vụ, không chỉ giảm nguy cơ rủi ro do điều kiện thời tiết, thiên tai mà còn có thể tăng vụ sản xuất, tăng thêm thu nhập và đặc biệt là giảm đáng kể lượng phân bón, giảm được công thu hoạch, tách hạt và bảo quản.

Bên cạnh diện tích đất bãi, đất lúa chuyển đổi sang trồng ngô sinh khối để phục vụ chăn nuôi bò, nông dân Hưng Yên đã tận dụng rất hiệu quả chân đất trồng lúa kém hiệu quả để trồng ngô sinh khối vào vụ đông, điển hình là tại các huyện Yên Mỹ, Khoái Châu, Kim Động, Phù Cừ, Ân Thi. Tại xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, từ nhiều năm nay, sản xuất ngô nếp đã trở thành vụ sản xuất chính của bà con nông dân do thổ nhưỡng phù hợp, ít công chăm sóc. Gần đây, một số hộ dân chăn nuôi bò đã chuyển sang trồng ngô sinh khối và thu mua của một số hộ trồng ngô khác trong xã. Chị Phạm Thị Hoa, thôn An Trạch, xã Đặng Lễ phấn khởi: "Trước đây, gia đình tôi và các hộ trong xã chủ yếu trồng ngô nếp, song diện tích trồng ngô của xã tương đối lớn nên vấn đề đầu ra đôi lúc gặp khó khăn, nguồn cung lớn và thường bị thương lái ép giá, 2 năm trở lại đây, tôi và một số hộ dân đã chuyển đổi sang trồng ngô sinh khối để phục vụ chăn nuôi. Tôi thấy trồng

ngô sinh khối rất đơn giản, nhanh cho thu hoạch, ít rủi ro. Tuy nhiên, chúng tôi mới trồng với quy mô nhỏ để phục vụ chăn nuôi gia đình và chăn nuôi tại địa phương, chúng tôi rất mong có các doanh nghiệp thu mua cây ngô sinh khối như một số địa phương khác để có thể mở rộng diện tích và mang lại thu nhập cao hơn".

Năm 2020, tại huyện Khoái Châu, tổng diện tích trồng ngô vụ hè thu và vụ đông khoảng 200 ha, trong đó có khoảng 40 ha ngô sinh khối. Ông Đỗ Văn Tiến, thôn Minh Tập, xã Đại Tập chọn cây ngô sinh khối vì mùa đông, nguồn thức ăn xanh cho bò khá khan hiếm, bán ngô sinh khối khá dễ dàng, lại không tốn công chăm sóc nhiều, thời gian thu hoạch ngắn nên chân đất lúa của gia đình vẫn có một khoảng thời gian phơi ải, đảm bảo phục vụ sản xuất lúa vụ xuân.

Thực tế cho thấy việc đẩy mạnh phát triển ngô sinh khối không chỉ góp phần tận dụng quỹ đất lúa nhàn rỗi rất lớn trong vụ đông mà còn có vai trò quan trọng trong định hướng tái cơ cấu, nhu cầu nguồn thức ăn thô xanh cho gia súc nhai lại. Việc phát triển các vùng trồng ngô sinh khối là khá cần thiết, đặc biệt là trên chân đất lúa kém hiệu quả và trên chân đất lúa vụ đông, tăng thu nhập trên đơn vị diện tích, thúc đẩy ngành chăn nuôi phát triển. □

BBT (gt)



HIỆU QUẢ CHƯƠNG TRÌNH CẢI TẠO ĐÀN BÒ BẰNG PHƯƠNG PHÁP THỤ TINH NHÂN TẠO

Trong hai năm 2019 - 2020, Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị đã thực hiện “Chương trình cải tạo đàn bò thịt” bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo, sử dụng tinh bò nhập ngoại như: BBB, Brahman, RedAngus... lai tạo trên nền bò cái lai Zebu chọn lọc (có tỷ lệ lai từ 50% trở lên) nhằm tạo ra con lai F2, F3... có năng suất chất lượng cao.

Gia đình anh Lê Văn Hoàn ở thôn Lai Bình, xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh, gắn bó với nghề chăn nuôi bò đã nhiều năm nay nhưng đây là lần đầu tiên gia đình anh thực hiện phối giống cho bò bằng tinh BBB trên nền bò cái lai Zebu do Trung tâm Khuyến nông tỉnh hỗ trợ. Anh Hoàn cho biết: “Bê lai mới sinh ra khối lượng lớn hơn các giống bê khác. Cùng thời gian nuôi nhưng bê phàm ăn hơn nên tốc độ phát triển nhanh hơn. Điều kiện khí hậu tại địa phương khắc nghiệt nhưng bê chống chịu khá tốt. Sau 4 tháng nuôi bê đạt khối lượng khoảng 1,4 tạ/con, cao hơn so với bê lai bình thường là 35 kg/con. Hiện tại trong chuồng, gia đình tôi còn 6 con bò sinh sản. Thời gian tới tôi sẽ liên hệ dẫn tinh viên thực hiện phối giống cho các bò nái này bằng tinh BBB”.

Ông Lê Văn ở thôn Lương Điền, xã Hải Sơn, Hải Lăng - một hộ đang chăn nuôi bò chuyên thịt do Trung tâm Khuyến nông tỉnh hỗ trợ phối giống bằng tinh bò BBB, cho rằng: Bê lai dễ nuôi, khả năng sử dụng thức ăn tốt, sức đề kháng cao, tỷ lệ bệnh tật thấp, trong khi nguồn thức ăn và điều kiện chăm sóc cũng giống các giống bò địa phương. “Hiện nay, bò thịt BBB được các thương lái tìm mua nhiều vì đây là giống bò có tỷ lệ thịt xẻ cao, đạt hơn 60%, trong khi các giống bò

khác chỉ đạt từ 40 - 55%. Thịt bò lại đáp ứng được nhu cầu khắt khe của thị trường nên đầu ra ổn định”. - ông Văn cho hay.

Ông Nguyễn Đình Lục - Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Vĩnh Linh cho biết, huyện có tổng đàn bò trên 13.000 con và đã thực hiện chương trình cải tạo đàn bò từ rất sớm. Mỗi năm bà con thực hiện phối giống bằng thụ tinh nhân tạo từ 3.500 - 4.000 con, nhờ đó đã khắc phục những nhược điểm của việc giao phối cận huyết, tạo bước đột phá trong cải tạo tầm vóc đàn bò. Năm 2020, huyện Vĩnh Linh phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh sử dụng trên 1.000 liều tinh bò nhập ngoại để phối cho đàn bò của các hộ dân. Kết quả bê lai ra đời có khối lượng tăng 20% trở lên khiến bà con nông dân rất phấn khởi. Để thực hiện tốt chương trình cải tạo đàn bò, ngoài việc động viên khuyến khích đội ngũ dẫn tinh viên, huyện còn thường xuyên khuyến cáo bà con thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng chống dịch bệnh cho bò để nâng cao năng suất, mang lại nguồn thu nhập ổn định.

Ông Nguyễn Trung Hậu - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị cho biết: Chương trình cải tạo đàn bò trong những năm qua đã đạt được một số kết quả nhất định. Tỷ lệ đàn bò lai của tỉnh ngày một tăng lên, đặc biệt là đàn nái nền được bà con lựa chọn kỹ để đưa vào nuôi sinh sản. Trong thời gian tới, để thực hiện tốt chương trình cải tạo đàn bò theo hướng chuyên thịt, Trung tâm sẽ xây dựng một số mô hình nuôi bò thịt chất lượng cao kết hợp với công tác tập huấn đào tạo để giúp bà con nắm chắc quy trình chăn nuôi. Tiếp tục lựa chọn một số tinh bò có chất lượng thịt tốt, năng suất cao đưa về lai tạo với một số giống bò lai trên địa bàn nhằm tạo ra con lai có năng suất và chất lượng thịt cao.

Có thể nói, chương trình cải tạo đàn bò theo hướng chuyên thịt tạo ra con lai có năng suất và chất lượng cao đã tạo tiền đề cho việc phát triển chăn nuôi bò thịt mang tính hàng hóa, khai thác tốt tiềm năng sẵn có tại địa phương, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho bà con nông dân, nâng cao tỷ trọng, giá trị chăn nuôi, góp phần thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp đạt hiệu quả.

PHAN VIỆT TOÀN
Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị



Mô hình nuôi bò của gia đình anh Lê Văn Hoàn

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO ĐỂ ỨNG PHÓ VỚI HẠN MẶN TRONG SẢN XUẤT THANH LONG

Thanh long là cây ăn quả chiếm diện tích lớn nhất trên địa bàn tỉnh Long An với diện tích canh tác khoảng 12.000 ha. Trong đó, huyện Châu Thành là địa phương có diện tích trồng thanh long cao nhất tỉnh với tổng diện tích là 9.100 ha. Tuy nhiên, đây cũng là địa phương chịu nhiều ảnh hưởng của hạn mặn, đặc biệt là trong hai kỳ hạn mặn lịch sử gần đây.

Từ yêu cầu thực tế trong sản xuất, tỉnh Long An đã thực hiện Đề án “Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với tái cơ cấu trong ngành nông nghiệp tỉnh Long An giai đoạn 2016 - 2020”. Trong đó, Đề án ứng dụng công nghệ cao trên cây thanh long thực hiện tại huyện Châu Thành với mục tiêu xây dựng vùng sản xuất thanh long 2.000 ha ứng dụng công nghệ cao phát triển toàn diện, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Các giải pháp kỹ thuật được khuyến cáo thực hiện là tăng cường sử dụng phân hữu cơ, phân sinh học, chế phẩm sinh học trong sản xuất, ứng dụng hệ thống tưới nước tiên tiến, tia tán và ủ phân hữu cơ... Đề án cũng chú trọng đến việc thực hiện các liên kết trong tổ chức sản xuất thông qua các hình thức như tổ hợp tác và hợp tác xã, qua đó tạo điều kiện cho người dân liên kết, hỗ trợ nhau trong sản xuất cũng như tạo cơ hội cho đầu ra của trái thanh long.

Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là bước đi đúng hướng, phù hợp với xu thế hiện nay, giúp giảm chi phí sản xuất, giảm công lao động, tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng, giá trị cao, tăng lợi nhuận và tạo nhân hiệu riêng cho trái thanh long. Tính đến cuối năm 2019, Đề án sản xuất thanh long ứng dụng công nghệ cao đã thực hiện được gần 2.100 ha với 3.465 hộ tham gia. Tổng diện tích sản xuất thanh long được cấp giấy chứng nhận VietGAP đến cuối năm 2019 là xấp xỉ 595 ha (961 hộ), chiếm khoảng 28% so với diện tích thực hiện sản xuất thanh long ứng dụng công nghệ cao. Ngoài ra, còn có trên 200 ha thanh long ứng dụng các hệ thống tưới nước tiên tiến, tự động giúp tiết kiệm chi phí lao động, tiết kiệm nước hiệu quả. Bên cạnh đó, Đề án cũng đã hỗ trợ phát triển tổ chức kinh tế nông thôn trên địa bàn huyện Châu Thành. Hiện tại, địa phương có 104 tổ hợp tác sản xuất thanh long với 3.285 thành viên, trên diện tích 1.960 ha; 13 hợp tác xã với 519 thành viên, trên diện tích 411 ha. Trong đó có 8 Hợp tác xã đã được cấp mã vạch, 5 Hợp tác xã còn lại đã hoàn chỉnh hồ sơ gửi về Cục Sở hữu trí tuệ để được cấp mã vạch.

Đề án đã triển khai tập huấn kỹ thuật sản xuất thanh long theo hướng VietGAP cho 8.232 lượt nông dân. Điều này, đã giúp bà con chủ động tiếp cận tiến bộ kỹ thuật, thay đổi tập quán, tư duy

trong canh tác từng bước quen dần với việc sử dụng phân hữu cơ, phân sinh học, chế phẩm sinh học bảo vệ thực vật và hạn chế sử dụng phân hóa học, lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, không sử dụng các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục... giúp quản lý tốt dịch bệnh, góp phần bảo vệ môi trường và còn tạo ra sản phẩm thanh long chất lượng cao. Hiện tại, toàn bộ nông dân tham gia sản xuất thanh long ứng dụng công nghệ cao đều sử dụng phân hữu cơ, hữu cơ vi sinh trong sản xuất. Bà con cũng có ý thức hơn trong việc vệ sinh vườn, thu gom vỏ chai, bao bì thuốc bảo vệ thực vật đúng nơi quy định. Nhờ có phương pháp canh tác thân thiện với môi trường, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, bà con trồng thanh long trên địa bàn huyện Châu Thành đã vượt qua thời gian khó khăn trong kỳ hạn mặn lịch sử năm 2020.

Giai đoạn 2021 – 2025, tỉnh Long An sẽ tiếp tục thực hiện Đề án và sẽ mở rộng vùng thực hiện đến các huyện có diện tích trồng thanh long lớn khác. Trong đó, tỉnh sẽ chú trọng thực hiện tại các huyện chịu ảnh hưởng của hạn mặn để giúp người trồng thanh long phát triển sản xuất theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường, đặc biệt là thích ứng với các diễn biến phức tạp của thời tiết, của biến đổi khí hậu như hiện nay. □

TRUNG TÂM DVNN LONG AN

Yên Bái:

PHÁT HUY TIỀM NĂNG THỂ MẠNH SẢN PHẨM OCOP

Yên Bái là một tỉnh có rất nhiều tiềm năng, thế mạnh trong phát triển kinh tế. Ngoài ra, Yên Bái còn được thiên nhiên ưu đãi với nhiều tiểu vùng khí hậu phù hợp với các loại cây trồng, vật nuôi, vừa là đặc sản vừa là thế mạnh của địa phương.

Các sản phẩm nông sản Yên Bái mang đậm bản sắc địa phương mà không vùng miền nào có được như: miến đao Giới Phiên, thịt trâu sấy Nghĩa Lộ, vịt bầu, măng mai khô Lâm Thượng, mật ong rừng Mù Cang Chải, táo mèo, cá bống, hạt dổi, gạo nếp Tú Lệ, cam sành, khoai môn tím Khánh Hòa, lạc ri đỏ Minh Tiến... Những năm trước đây, hiểu biết của người dân về Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) còn nhiều hạn chế, năng lực nghiên cứu và phát triển sản phẩm chưa bài bản. Các sản phẩm truyền thống khi sản xuất ra còn thô sơ, chưa hấp dẫn về hình thức; thiết kế bao bì và nhãn mác giản đơn; tiêu chuẩn chất lượng chưa rõ ràng; hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ có sự tham gia của cộng đồng còn ít, hoạt động đơn lẻ, hầu hết chưa liên kết theo chuỗi giá trị.

Tuy nhiên hiện nay, Chương trình OCOP tỉnh Yên Bái đã được triển khai thực hiện với các nội dung: tư vấn cho các chủ thể hoàn thiện sản phẩm, bảo đảm được các tiêu chí tham gia đánh giá, phân hạng và kiểu dáng, mẫu bao bì, tem nhãn, đăng ký mã số mã vạch, QR code, giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, định hướng xây dựng chuỗi liên kết. Ngoài ra, chương trình hỗ trợ tư vấn cho các chủ thể về thủ tục đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, quảng bá cho 17 sản phẩm đã được bảo hộ sở hữu trí tuệ gồm: 03 chỉ dẫn địa lý là quế Văn Yên, gạo Mường Lò, tre Bát Độ; 06 nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm là chè Suối Giàng Yên Bái, sơn tra Mù Cang Chải, bưởi Đại Minh Yên Bình, cá hồ

Thác Bà, gà xương đen Mù Cang Chải, vịt bầu Lâm Thượng; 08 nhãn hiệu tập thể là cam Lục Yên, cam Văn Chấn, gạo Bạch Hà Yên Bình, gạo nếp Tú Lệ Văn Chấn, miến đao Giới Phiên, gạo Hương Chiêm Đại Phú An, thịt hun khói Mường Lò, hồng chùm không hạt Lục Yên.

Sau hơn hai năm triển khai, với sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự vào cuộc của các sở, ban, ngành, địa phương cùng sự nỗ lực của chủ thể nên Chương trình OCOP tỉnh Yên Bái đã có những chuyển biến tích cực, bước đầu đạt nhiều kết quả quan trọng, tạo động lực mới trong xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế nông thôn. Năm 2020, toàn tỉnh đã đánh giá, phân hạng 75 sản phẩm được cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh từ 3 - 4 sao, trong đó có 5 sản phẩm đạt 4 sao, 70 sản phẩm đạt 3 sao. Lũy kế hết năm 2020, Yên Bái có 83 sản phẩm OCOP, trong đó có 8 sản phẩm đạt 4 sao, 75 sản phẩm đạt 3 sao cấp tỉnh.

Để đạt được kết quả trên còn có sự đóng góp rất lớn của các tổ chức trong nước, tổ chức phi chính phủ và các cá nhân đã tích cực tư vấn, hỗ trợ Chương trình OCOP tỉnh Yên Bái giai đoạn 2018 - 2020. Về phía Trung tâm Khuyến nông tỉnh, đã thực hiện hỗ trợ phát triển một số sản phẩm OCOP đáp ứng nhu cầu thực tế của địa phương. Đơn vị đã phối hợp với Tổ chức Tâm nhìn Thế giới tại Yên Bái tiến hành điều tra, khảo sát thực trạng sản phẩm OCOP tại huyện Lục Yên, mời các cơ quan quản lý của tỉnh và các chủ thể tham gia để tìm cách tháo gỡ khó khăn, vướng



Các sản phẩm nông sản Yên Bái mang đậm bản sắc địa phương là cơ sở để triển khai Chương trình OCOP

mắc, giải quyết các vấn đề còn tồn tại, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện. Qua đó giúp các chủ thể hoàn thiện sản phẩm, đạt các tiêu chí về chất lượng, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, xây dựng thương hiệu sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường.

Có thể nói rằng, Chương trình OCOP tại Yên Bái đã mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, các hộ sản xuất kinh doanh, hợp tác xã và doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị sản phẩm đồng thời đưa thương hiệu các sản phẩm nông nghiệp đến người tiêu dùng, tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, đủ sức cạnh tranh. Nhiều tổ chức, cá nhân đã ký được hợp đồng phân phối với các siêu thị, đại lý. Bên cạnh đó, các đơn vị cũng đã nghiên cứu thị trường của các tỉnh, tìm hiểu yêu cầu của các nhà phân phối để phát triển, hoàn thiện sản phẩm, tìm cho mình một hướng riêng để phát triển bền vững và đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước.

PHẠM THỊ HẰNG
Trung tâm Khuyến nông Yên Bái

HIỆU QUẢ MÔ HÌNH CHĂN NUÔI LỢN AN TOÀN TẠI TỈNH ĐẮK NÔNG

Mô hình chăn nuôi lợn của anh Huỳnh Hữu Tâm ở thôn Tân Lợi, xã Đăk R'moan, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông là một trong những điển hình trong chăn nuôi khép kín hiệu quả tại địa phương, giúp gia đình anh vươn lên làm giàu.

Anh Tâm chia sẻ, năm 2015, nhân chuyến đi Đăk Lăk thăm bạn bè, anh được một người bạn giới thiệu về mô hình chăn nuôi lợn hiệu quả tại thành phố Buôn Ma Thuột. Sau chuyến đi đó, anh bàn bạc với vợ và quyết tâm đầu tư xây dựng chuồng trại để nuôi lợn. Lần đầu, anh nhập 20 con cái hậu bị về nuôi với tổng chi phí khoảng 200 triệu đồng. Sau 7 tháng nuôi, đàn lợn đã sinh ra được 200 lợn con, anh để lại nuôi lợn thịt và thu về trên 900 triệu đồng sau 5 tháng nuôi tiếp theo. Từ hiệu quả của lứa lợn đầu tiên, anh mạnh dạn mở rộng thêm quy mô. Hiện trại chăn nuôi lợn của anh Tâm có khoảng 400 con, trong đó có 100 con lợn nái, 300 con lợn thịt và 01 con lợn đực giống.

Khu chuồng trại của gia đình anh Tâm có diện tích gần 2.000m² được chia làm nhiều khu chăn nuôi khác nhau, được bố trí một cách khoa học phù hợp với từng lứa tuổi của đàn lợn, gồm khu chăn nuôi lợn nái sinh sản, khu nuôi lợn con và ngoài cùng là khu nuôi lợn thịt. Chuồng trại được xây dựng mát mẻ, thông thoáng và thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, phun hóa chất khử trùng tiêu độc, cách ly với môi trường xung quanh. Phía trước cổng vào trại có hố sát trùng bằng vôi, các dụng cụ bảo hộ khi vào khu vực chăn nuôi đều phải khử trùng, tuyệt đối không cho người lạ và động vật vào khu chăn nuôi.

Ngoài ra, theo anh Tâm, quan trọng nhất là phải tiêm phòng vắc-xin đầy đủ cho đàn lợn, vì vậy anh luôn tuân thủ nghiêm ngặt lịch tiêm phòng. Để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, toàn bộ chất thải chăn nuôi được xử lý qua hầm biogas composite nên trại nuôi không có mùi hôi đặc trưng, không có ruồi nhặng và côn trùng. Lượng phân đã qua xử lý anh bón cho vườn tiêu và cà phê. Thức ăn chăn nuôi lợn, anh dùng cám tổng

hợp của công ty Green Farm. Hàng tháng công ty cử nhân viên kỹ thuật xuống hướng dẫn kỹ thuật, cách sử dụng thức ăn cho từng loại lợn và từng giai đoạn phát triển của lợn. Ngoài ra, công ty còn hỗ trợ tinh giống lợn cho trang trại để đảm bảo nguồn giống tốt, có chất lượng. Nhờ những biện pháp trên mà trải qua đợt dịch tả lợn châu Phi, đàn lợn của gia đình anh Tâm vẫn an toàn. Sau đợt dịch, anh xuất bán gần 40 tấn lợn hơi với giá trung bình là 92.000 đồng/kg, sau khi trừ các khoản chi phí còn thu về lợi nhuận trên 2 tỷ đồng.

Mô hình chăn nuôi lợn khép kín của gia đình anh Tâm không chỉ mang lại thu nhập cao mà còn là một trong những mô hình điển hình về những giải pháp giúp người chăn nuôi thành công. Anh Huỳnh Hữu Tâm là tấm gương tiêu biểu cho bà con nông dân tại địa phương về việc áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi lợn, vươn lên làm giàu trên mảnh đất quê hương

NGUYỄN THỊ KHÁNH
Trung tâm Khuyến nông Đăk Nông



THU LÃI TRĂM TRIỆU ĐỒNG TỪ MÔ HÌNH NUÔI GHEP CÁ LĂNG ĐUÔI ĐỎ

Mạnh dạn chuyển đổi từ mô hình nuôi cá lồng kém hiệu quả sang mô hình nuôi ghép cá lăng đuôi đỏ là chính, ông Nguyễn Văn Pha ở ấp Phước Hữu, xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã trở thành nông dân điển hình của địa phương nuôi thành công loài cá này trong ao đất, thu lãi mỗi năm trên trăm triệu đồng.

Sở hữu ao nuôi có diện tích mặt nước 5.000 m², với nhiều năm nuôi cá trong ao đất, nhờ đó ông Pha có kinh nghiệm về nuôi cá nước ngọt. Hơn 10 năm nuôi ghép các đối tượng cá nước ngọt như rô phi, chim, mè, trôi, trắm, chép với nhiều vất vả nhưng hiệu quả mang lại chẳng đáng là bao. Năm 2018, được sự tư vấn của cán bộ kỹ thuật Trung tâm Khuyến nông tỉnh và qua sách báo, ông biết tới loài cá lăng đuôi đỏ. Đây là loài có giá trị kinh tế, có thể nuôi ghép với các loài cá khác trong ao đất, đặc biệt là thức ăn cho cá có thể tận dụng nguồn phụ phế phẩm lò mổ sẵn có tại địa phương. Vì vậy, ông đã mạnh dạn chuyển đổi sang mô hình nuôi cá lăng đuôi đỏ là chính ghép với cá chép, cá trắm cỏ.

Theo ông Pha, lúc đầu, ông chỉ thả nuôi thắm dò theo tỷ lệ 50% cá lăng và 50% là các đối tượng cá truyền thống để lấy kinh nghiệm. Khi nắm vững kỹ thuật ông tự tin chuyển sang quy trình nuôi cá lăng đuôi đỏ là chính thả ghép với cá chép, cá trắm cỏ. Quy trình nuôi ghép cá lăng đuôi đỏ là chính, mật độ thả theo tỷ lệ 8:1:1. (8 con cá lăng, 1 con cá chép, 1 con trắm cỏ cho 10 m² diện tích mặt nước). Để tránh cạnh tranh thức ăn nên thả giống cá lăng trước một thời gian; sau đó mới thả cá chép, cá trắm. Cá giống nên chọn mua ở những cơ sở sản xuất có uy tín. Cá khỏe mạnh, không bị gãy đuôi, dị hình, cỡ đồng đều, khối lượng trung bình 10g/con. Thức ăn của cá là phụ phế phẩm lò mổ. Thời gian đầu thức ăn được xay nhỏ cho vào sàng ăn.



Ông Nguyễn Văn Pha chăm sóc cá lăng đuôi đỏ trong ao nuôi của gia đình

Ngày cho cá ăn 2 lần, vào 6 giờ sáng và trước 16 giờ chiều. Khẩu phần ăn chiếm khoảng 7 - 8% trọng lượng cá nuôi. Sau 2 tháng nuôi, thức ăn chỉ cần cắt khúc vừa miệng cá là được. Khẩu phần ăn giai đoạn này trở về sau chiếm khoảng 3% trọng lượng cá nuôi. Định kỳ, bổ sung thêm Vitamin C, các khoáng vi lượng để tăng sức đề kháng cho cá. Khi thời tiết thay đổi cần kiểm tra sự bắt mồi của cá để điều chỉnh lượng thức ăn cho phù hợp.

Nhờ quá trình nuôi tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật, kiểm soát được môi trường dịch bệnh nên sau 10 tháng nuôi, cá lăng đạt trọng lượng 800g - 1kg/con; cá chép, cá trắm cỏ đạt trọng lượng 2 - 3 kg/con, cá biệt có con đạt trên 4 kg. Các đối tượng nuôi có giá trị dinh dưỡng cao, thịt mềm và thơm ngon khi chế biến món ăn nên dễ tiêu thụ trên thị trường. Hiện tại giá cá lăng bán buôn tại ao khoảng 75.000 đồng/kg (đối với cá đạt trọng lượng trên 1kg). Cá chép, cá trắm cỏ là 50.000 đồng/kg (đối với cá đạt trọng lượng trên

1,5 kg). Mỗi năm, ông Pha thu hoạch khoảng 2 tấn cá lăng và 1 tấn cá chép, cá trắm. Sau khi trừ chi phí, ông thu lãi khoảng 100 triệu đồng/năm mà không phải vất vả như trước đây.

Được biết họ cá lăng có hơn 245 loại khác nhau sinh sống tại khắp các vùng trên thế giới. Tại Việt Nam, phổ biến là các loại cá lăng hồng, cá lăng vàng, cá lăng đuôi đỏ, cá lăng hoa... Trong số đó, lăng đuôi đỏ được cho là loài có cân nặng trưởng thành lớn nhất. Đặc điểm phân biệt đơn giản của loại cá này là chúng sở hữu đuôi cá màu đỏ, vây lớn. Hiện nay, mô hình nuôi ghép cá lăng đuôi đỏ là chính của gia đình ông Pha là mô hình sản xuất mới trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, để nhân rộng mô hình này, góp phần đa dạng hóa đối tượng nuôi trồng thủy sản, người dân cần tham khảo, nghiên cứu về kỹ thuật, điều kiện tự nhiên cũng như nguồn thức ăn để tránh rủi ro trong quá trình sản xuất.

TRỌNG HOÀNG

Trung tâm Khuyến nông Bà Rịa - Vũng Tàu



HIỆU QUẢ MÔ HÌNH

Nuôi sò huyết trong ao tôm sú

dao động nhiệt độ giữa sáng và chiều chênh lệch quá cao; Chủ động cung cấp nước cho các ao nuôi, với diện tích nuôi 10.000 m², người nuôi cần thiết kế 1 ao chứa nước mặn diện tích khoảng 1.000 m² (độ mặn từ 15‰ – 30‰).

- Áp dụng hình thức nuôi sò huyết kết hợp tôm sú trong ao tôm QCCT theo hướng khép kín, sử dụng vi sinh, công nghệ sinh học Cụ thể như sau:

+ Chuẩn bị nước ao nuôi đảm bảo độ mặn 20 - 30‰. Trước khi lấy nước vào ao, người nuôi nên rải vôi CaO với liều lượng 50 - 70 kg/1000 m² để diệt ấu trùng địch hại, mầm rong và ổn định độ kiềm, pH... Trước khi thả sò giống 5 ngày, người nuôi cần phải gây màu nước để tạo thức ăn tự nhiên cho sò huyết theo công thức: 2 lít sản phẩm công nghệ sinh học Bồ Đề/1000 m³ nước, kết hợp ủ vi sinh, mật đường và cám ủ (2 kg cám/1000m³) trong 24 giờ, sau đó xử lý lúc 8 - 9 giờ. Có thể xử lý 1 - 2 lần đến khi tảo trong ao nuôi phát triển tốt.

+ Người nuôi nên chọn giống tại những bãi sò giống của địa phương, có uy tín. Nên chọn sò giống có kích cỡ khoảng 800 - 1.000 con/kg.

+ Mật độ thả nuôi: Với ao nuôi có diện tích 2.000 m² khuyến cáo người nuôi nên thả khoảng 150 - 200 kg sò giống.

Lưu ý thời gian vận chuyển giống không quá 5 giờ. Trong quá trình vận chuyển giống, tránh nước mưa rơi vào trong sò huyết.

+ Thả giống: Trước khi thả giống nên lấy nước ngoài ao nuôi rắc đều trên sò huyết giống và để khoảng 60 phút để sò huyết thích nghi với môi trường ao nuôi, cân bằng nhiệt độ.

Khi thả sò huyết cần rải đều và nhẹ. Sau khi thả giống sò huyết từ 4 - 5 giờ cần xuống ao mò sò giống xem sò vài xuống chưa. Nếu

sò huyết đã vùi cho thấy đã thích nghi tốt với môi trường ao nuôi.

+ Để sò huyết không bị sốc và chết (chỉ bổ sung nước từ ao chứa sang ao nuôi khi cần thiết). Nước ao nuôi có màu vàng nhạt hoặc xanh vô đậu, độ trong dưới 15 cm là đạt yêu cầu và đảm bảo nguồn thức ăn cho sò huyết.

Định kỳ 7 ngày sử dụng 2 kg thức ăn công nghiệp số 0 của tôm sú pha đều tạt khắp vuông để cho sò huyết ăn. Sau khi sử dụng thức ăn công nghiệp 3 - 4 ngày tiến hành ủ vi sinh + 3 kg cám + 3 kg mật đường (ủ 24 giờ), xử lý lúc 8 giờ sáng (liều lượng trên dành cho vuông nuôi sò huyết có diện tích 2.000 m²).

Định kỳ 7 - 10 ngày, sử dụng 2 lít sản phẩm Công nghệ sinh học Bồ Đề/2000 m² nhằm cung cấp khoáng chất có lợi cho sò huyết, ổn định pH, tái tạo dinh dưỡng môi trường, cung cấp ô - xy đáy vuông...

Định kỳ 15 ngày/lần sử dụng Yucca kết hợp với Zeoline theo liều lượng: 1 lít Yucca + 20 kg Zeoline/2.000 m² để hạn chế sự ô nhiễm hữu cơ trong ao nuôi, hạn chế sự phát triển của rong đáy, rong nhớt.

+ Định kỳ 3 - 5 ngày nên kiểm tra sò huyết một lần, 4 - 5 ngày/lần nên kiểm tra độ kiềm, độ pH, khí độc NO₂... Vào những ngày nắng nóng, nhiệt độ cao trên 38°C nên sử dụng 5 kg vitamin C tạt cho ao 2.000 m² lúc 15 giờ.

Trên đây là các khuyến cáo về các giải pháp kỹ thuật được rút ra từ thực tế mô hình triển khai tại tỉnh Bạc Liêu. Mong rằng, bà con tham khảo, rút kinh nghiệm khi áp dụng vào thực tiễn để mô hình có thể đạt năng suất, hiệu quả cao nhất, giúp bà con tăng thu nhập, vươn lên làm giàu.

NGUYỄN ĐỨC KHOA

Trung tâm Khuyến nông Bạc Liêu

Mô hình nuôi sò huyết trong ao nuôi tôm QCCT của anh Hà Văn Năm ấp Hoàng Minh A, xã An Trạch, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu

Mô hình nuôi sò huyết trong ao nuôi tôm sú được đánh giá là bền vững, chi phí thấp, hiệu quả cao, có thể áp dụng và nhân rộng ở các xã An Phúc, An Trạch, Định Thành, Định Thành A... của huyện Đông Hải. Với năng suất dao động từ 400 - 600 kg/1.000m², giá sò huyết thương phẩm loại 80 con/kg, dao động từ 130.000 - 140.000 đồng/kg. Như vậy, sau mỗi vụ nuôi (7 - 9 tháng), người nuôi sò huyết sẽ thu lãi từ 40 - 60 triệu đồng/1.000 m².

Để nâng cao năng suất sò huyết trong mô hình cho vụ nuôi năm 2021 và những năm tiếp theo, người nuôi cần chú ý một số giải pháp:

- Theo dõi diễn biến thời tiết cũng như lịch thời vụ thả giống sò huyết hàng năm.

- Cải tạo ao nuôi đảm bảo các yếu tố: ao nuôi không bị rò rỉ nước và mực nước tối thiểu trong ao nên dao động từ 60 - 80 cm tính từ mặt trăng để tránh tình trạng

NỮ CÁN BỘ KHUYẾN NÔNG SÂU SÁT CƠ SỞ

Nhiều năm liền nhận công tác ở các cơ quan khác nhau, trong đó hơn 06 năm gắn bó với ngành khuyến nông, chị Cà Thị Xen, nữ cán bộ Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đã phát huy tốt vai trò của mình trong việc chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, giúp nông dân tiếp thu những kiến thức mới áp dụng vào sản xuất, mang lại hiệu quả cao.

Sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Quỳnh Nhai, năm 2003, chị Cà Thị Xen tốt nghiệp trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên và về công tác tại Ban Dự án Di dân tái định cư huyện từ năm 2004. Năm 2008, chị được phân công nhận công tác mới tại phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện, chuyên trách phát triển dự án cây cao su, sau đó chuyển sang Trạm khai thác và bảo vệ thủy lợi. Từ năm 2016 đến nay, chị nhận công tác tại Trạm Khuyến nông huyện, nay là Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện.

Là người có tinh thần trách nhiệm trong công việc, không quản khó khăn, vất vả, chị Xen đã nhanh chóng nắm bắt công việc và tình hình sản xuất, chăn nuôi của bà con tại cơ sở. Chị đã tham mưu cho Ban Giám đốc triển khai hàng trăm lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp với nội dung bám sát nhu cầu học hỏi của bà con, sát với thực tiễn sản xuất. Đồng thời, cùng các đồng nghiệp chị tích cực nắm bắt cơ sở, kết nối để giúp bà con nông dân tiếp cận khoa học kỹ thuật thông qua việc triển khai nhân

rộng nhiều mô hình trình diễn, hướng dẫn bà con triển khai thực hiện các mô hình sản xuất lúa lai, mô hình trồng cây ăn quả trên đất dốc, canh tác sản cao sản...

Đặc biệt, thực hiện kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu cho Trung tâm Chế biến rau, quả Doveco Sơn La; trong năm 2020 và những tháng đầu năm 2021, chị Xen cùng các cán bộ khuyến nông huyện đã tích cực vận động, tuyên truyền nhân dân các xã Mường Giàng, Mường Giôn, Mường Sại và Chiềng Ôn chuyển đổi cây trồng kém hiệu quả sang trồng dứa. Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, đến nay, toàn huyện đã trồng xong 103,4 ha dứa nguyên liệu xen lẫn cây xoài đảm bảo theo kế hoạch đăng ký của huyện.

Chị Điều Thị Hằng ở bản Huổi Ná, xã Chiềng Ôn, Quỳnh Nhai, Sơn La cho biết: "Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư nhiều chương trình dự án về cây trồng, vật nuôi cho bà con đồng bào dân tộc và người

dân tái định cư. Chúng tôi được chị Cà Thị Xen và nhiều cán bộ khuyến nông tận tình hướng dẫn kỹ thuật trồng, chăm sóc cây trồng, vật nuôi. Mới đây, chị Xen cùng cán bộ khuyến nông huyện hướng dẫn bà con chúng tôi cách cắt tỉa, tạo tán cho cây xoài; cách chăm sóc bón phân cho cây dứa. Chúng tôi rất cảm ơn và sẽ làm theo chỉ dẫn của các cán bộ khuyến nông để phát triển kinh tế".

Là một người phụ nữ gắn bó với công tác khuyến nông, chị thường xuyên phải có những chuyến đi vất vả vào với bà con vùng sâu, vùng xa nên ngoài việc phải có sức khỏe thật tốt, còn phải có tình yêu với nghề nghiệp, trách nhiệm với người dân mới có thể làm được. "Xác định đến với nghề này nếu không có nhiệt huyết, sự yêu nghề, sự hợp tác giúp đỡ của đồng chí, đồng nghiệp và gia đình thì công việc sẽ không thể nào suôn sẻ" – chị Xen chia sẻ.

Với sự hiểu biết, năng động, nhiệt tình và sự đóng góp thiết thực và hiệu quả của mình trong công tác khuyến nông, chị Cà Thị Xen luôn được cơ quan đánh giá cao và được bà con nông dân yêu mến quý trọng □

VĂN THIỆU

Trung tâm TTVH Quỳnh Nhai, Sơn La



Chị Cà Thị Xen hướng dẫn nhân dân bản Huổi Ná kỹ thuật tỉa và tạo tán cho cây xoài

Ngọt thơm vú sữa Cửa Sông



Vườn vú sữa chuẩn bị cho thu hoạch của gia đình anh Lê Quang Cảnh

Chúng tôi đến thôn Cửa Sông, xã Hợp Đức, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang vào đúng mùa thu hoạch vú sữa. Đầu đầu cũng gặp cảnh bà con tất bật thu những quả vú sữa đầu mùa để kịp bán cho thương lái phục vụ thị trường tiêu thụ.

Gia đình anh Lê Quang Cảnh trồng 55 cây vú sữa từ 15 - 20 năm tuổi. Vụ trước, sản lượng vú sữa đạt 3,5 tấn quả; sau khi trừ hết chi phí, gia đình anh thu được trên 70 triệu đồng. Năm nay, anh vừa thu hoạch đợt đầu tiên, giá bán tại vườn 25.000 - 35.000 đồng/kg, dự kiến cho sản lượng và thu nhập cao hơn năm ngoái. Vụ này, sản lượng vú sữa nhà anh Cảnh ước đạt gần 4 tấn. Anh Cảnh cho biết, trồng vú sữa không khó nhưng quan trọng nhất là phải chống được tình trạng râm quả. Quả vú sữa tròn, đẹp, sáng mà thì bán sẽ được giá cao hơn. Khi thu hoạch nên thu cả cuống, loại bỏ quả

sâu bệnh, quả bị tổn thương, cho vào thùng có giấy lót để tránh va chạm, hỏng quả. Trong thời gian tồn trữ, vận chuyển không nên để trái tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời vì sẽ làm tổn thương vỏ; không nên che nắng trái bằng tấm ny-lon vì sẽ làm râm vỏ trái.

Anh Cảnh chia sẻ, chăm sóc cây vú sữa tuy rất đơn giản nhưng cũng phải chú ý thời gian bón phân cho cây. Với những vườn vú sữa đã bước sang giai đoạn cho trái ổn định nên bón 4 lần phân vào các giai đoạn: xử lý ra hoa, đậu trái, nuôi trái, trước thu hoạch 1 - 2 tháng. Liều lượng phân bón thay đổi, tăng dần theo tuổi cây từ 6 năm đến trên 20 năm (lúc đầu bón số lượng nhỏ, tăng dần theo từng năm). Cây vú sữa rất thích hợp với phân chuồng hoại mục nên người trồng có thể tận dụng nguồn phân từ chăn nuôi của gia đình, sau đó ủ hoại mục rồi bón cho cây, vừa sạch môi trường vừa

đỡ chi phí mua phân bón. Trước khi bón phân nên tiến hành thu dọn toàn bộ vật liệu phủ gốc rồi bón lên mặt luống hoặc xới rãnh sâu 5 - 10 cm ở 2/3 đường kính tán cây, bón phân vào rãnh. Sau khi bón, nên che phủ gốc bằng các vật liệu hữu cơ và tưới nước liên tục 5 - 7 ngày cho phân tan vào đất.

Cùng thôn Cửa Sông, gia đình ông Nguyễn Văn Cường hiện có hơn 100 gốc vú sữa đang cho thu hoạch, chất lượng vú sữa năm nay thơm ngon, mẫu mã đẹp. Bên cạnh việc bán quả, gia đình còn bán cây giống, mỗi năm xuất bán khoảng 3.000 cây giống ra thị trường, đem lại nguồn thu nhập đáng kể. Cây vú sữa được bà con trồng trên vùng đất này cách đây khoảng 30 năm, cây vú sữa hợp đất, hợp nước ngày càng phát triển, cho chất lượng quả thơm ngon, giúp nhiều gia đình ở Cửa Sông có thu nhập cao, thoát nghèo. Đây là loại cây dễ trồng, không kén đất, có khả năng chống chịu sâu bệnh tốt, vốn đầu tư ít và có thị trường tiêu thụ rộng.

Chị Nguyễn Thị Lệ - Cán bộ phụ trách nông nghiệp xã Hợp Đức, huyện Tân Yên cho biết, hiện toàn xã Hợp Đức có khoảng 22 ha diện tích trồng vú sữa; trong đó có khoảng 17 ha đang cho thu hoạch. Riêng thôn Cửa Sông có khoảng 10 ha, sản lượng hàng năm ước đạt gần 100 tấn quả, mang lại thu nhập ổn định cho bà con trồng vú sữa nơi đây. Những năm gần đây, do người dân biết cách áp dụng quy trình VietGAP vào sản xuất nên thương hiệu vú sữa Hợp Đức ngày càng được nhiều người biết đến, giá bán rất ổn định. Đặc biệt, vùng sản xuất vú sữa theo tiêu chuẩn VietGAP tại đây đều được gắn tem truy xuất nguồn gốc xuất xứ, là bước tiến để sản phẩm vú sữa Cửa Sông nói riêng và vú sữa Hợp Đức tiếp tục nâng cao được giá trị, thương hiệu trên thị trường □

NGUYỄN KHƯƠNG

Trung tâm Khuyến nông Bắc Giang

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM BỆNH VIÊM DA NỔI CỤC TRÊN TRÂU, BÒ

Bệnh viêm da nổi cục (tên tiếng Anh là *Lumpy Skin Disease*, viết tắt là LSD), còn được gọi là bệnh viêm da nổi cục truyền nhiễm hoặc bệnh da sần, là bệnh truyền nhiễm do một loại vi - rút thuộc họ *Poxviridae* gây ra trên trâu, bò. Vi - rút không gây bệnh trên người. Đường truyền lây chủ yếu qua côn trùng đốt như muỗi, ruồi, ve; bệnh cũng có thể lây truyền do vận chuyển trâu, bò mang mầm bệnh, sử dụng chung máng uống, khu vực cho ăn, sữa, tinh dịch và qua tiếp xúc trực tiếp. Dịch bệnh xảy ra theo mùa, chủ yếu vào những tháng ấm, khi côn trùng hoạt động mạnh và phong phú nhất, gây thiệt hại về năng suất do sản lượng sữa giảm mạnh, giảm khả năng sinh sản, sảy thai, tổn thương da, giảm tăng trọng và có thể chết, gây tổn thất về kinh tế do hạn chế vận chuyển và thương mại.

1. Đặc điểm của vi - rút gây bệnh

Vi - rút gây bệnh viêm da nổi cục thuộc họ *Poxviridae*, chi *Capripoxvirus*, cùng chi với vi - rút gây bệnh đậu trên dê, cừu. Vi - rút có thể bị tiêu diệt ở nhiệt độ 55°C trong 2 giờ, 65°C trong 30 phút. Vi - rút có thể được hồi phục từ những nốt sần trên da được giữ ở nhiệt độ 80°C trong 10 năm và dịch nuôi cấy mô nhiễm vi - rút được bảo quản ở 4°C trong 6 tháng.

Vi - rút nhạy cảm với môi trường kiềm hoặc axit; có thể tồn tại ở môi trường pH = 6,6 - 8,6 trong 5 ngày ở 37°C. Hóa chất sử dụng để diệt vi - rút viêm da nổi cục bao gồm ether (20%), chloroform, formalin (1%), phenol (2% trong 15 phút), sodium hypochlorite (2 - 3%), hợp chất iodine (pha loãng 1:33), Virkon (2%), hợp chất amoni bạc bốn (0,5%) và một số chất tẩy rửa như sodium dodecyl sulphate.

Vi - rút viêm da nổi cục rất ổn định, tồn tại trong thời gian dài ngoài môi trường, đặc biệt là ở dạng vảy khô; tồn tại trong các nốt da hoại tử trên 33 ngày, trong



Bò bị bệnh nặng xuất hiện u cục toàn thân

các lớp vảy khô lên đến 35 ngày và ít nhất 18 ngày trong da phơi khô. Vi - rút nhạy cảm với ánh sáng mặt trời và chất tẩy rửa có chứa dung môi lipid, nhưng trong điều kiện môi trường tối và ẩm ướt, ví dụ như chuồng trại bị ô nhiễm, vi - rút có thể tồn tại trong nhiều tháng.

2. Đặc điểm dịch tễ

Động vật mắc cảm với vi - rút viêm da nổi cục là trâu, bò. Tỷ lệ trâu, bò mắc bệnh khoảng 10 - 20%; tỷ lệ chết khoảng 1 - 5%. Thời gian ủ bệnh trung bình khoảng 4 - 14 ngày.

Côn trùng chân đốt được xem là véc - tơ truyền bệnh viêm da nổi cục. Mặc dù đến nay chưa xác định được véc - tơ truyền bệnh cụ thể, muỗi, ruồi cắn và ve đực có thể đóng vai trò quan trọng trong việc làm lây truyền vi - rút. Vai trò của các véc - tơ truyền bệnh là khác nhau giữa các khu vực địa lý khác nhau, phụ thuộc vào nguồn và đặc điểm của mỗi loại véc - tơ. Trâu, bò đực nhiễm bệnh có thể bài thải vi - rút qua tinh dịch; tuy nhiên đến nay vẫn chưa có bằng chứng về đường lây truyền bệnh viêm da nổi cục thông qua tinh dịch. Ngoài

ra, cũng chưa rõ có hay không việc truyền lây vi - rút qua đường thức ăn và nước uống nhiễm mầm bệnh. Tiếp xúc trực tiếp được cho là không đóng vai trò quan trọng trong lây truyền vi - rút viêm da nổi cục.

Các nốt sần và vảy da chứa một lượng vi - rút viêm da nổi cục tương đối cao. Vi - rút có thể được phân lập từ những bệnh phẩm này trong 35 ngày và có thể lâu hơn. Vi - rút có thể được phân lập từ máu, nước bọt, dịch tiết ở mắt, mũi và tinh dịch. Vi - rút được tìm thấy trong máu trong khoảng từ 7 đến 21 ngày sau khi nhiễm bệnh, với mức độ thấp hơn so với trong các nốt sần ở da tại cùng thời điểm lấy mẫu. Sự bài thải của vi - rút trong tinh dịch có thể kéo dài tới 42 ngày. Cũng có bằng chứng về sự lây truyền vi - rút qua nhau thai. Vi - rút viêm da nổi cục không gây bệnh mạn tính. Một số động vật bị bệnh không biểu hiện triệu chứng lâm sàng, nhưng mang vi - rút trong máu và có thể truyền bệnh cho động vật khỏe thông qua côn trùng hút máu.



Các nốt sần trên da



Tổn thương ở vùng mũi gia súc



Tổn thương và loét ở núm vú



Vảy, loét, sẹo trên da

Một số hình ảnh về dấu hiệu của bệnh viêm da nổi cục

3. Triệu chứng, bệnh tích

Trâu, bò mắc bệnh có những dấu hiệu dưới đây:

- Sốt cao, có thể trên 41°C.
- Giảm năng suất sữa rõ rệt ở gia súc đang cho con bú.
- Suy nhược, bỏ ăn và hốt hác.
- Viêm mũi, viêm kết mạc và tiết nhiều nước bọt.
- Sung hạch bạch huyết bề mặt.
- Hình thành các nốt sần có đường kính từ 2 - 5 cm, đặc biệt là ở da đầu, cổ, chân, bầu vú, cơ quan sinh dục và đáy chậu trong vòng 48 giờ sau khi bắt đầu phản ứng sốt. Các nốt sần này có hình tròn, chắc, tròn và nhô cao, liên quan đến da, mô dưới da và đôi khi cả các cơ bên dưới.
- Các nốt sần lớn có thể bị hoại tử và cuối cùng là xơ hóa và tồn tại trong vài tháng; để lại các vết sẹo có thể tồn tại vĩnh viễn.
- Các mụn nước, vết hoại tử và vết loét có thể xuất hiện ở màng nhầy của miệng và đường tiêu hóa cũng như trong khí quản và phổi.
- Các chân và các bộ phận vùng bụng khác của cơ thể, chẳng hạn như bao da, ức, biau và âm hộ, có thể bị tiết dịch, khiến con vật không muốn di chuyển.
- Bò đực có thể bị vô sinh vĩnh viễn hoặc tạm thời.
- Bò mang thai có thể sảy thai và động dục trong vài tháng.

4. Chẩn đoán bệnh

Chẩn đoán sơ bộ tại thực địa dựa trên những biểu hiện như sốt và các nốt sần đặc trưng trên da trâu, bò mắc bệnh.

Chẩn đoán tại thực địa cần được xác nhận bằng xét nghiệm trong phòng thí nghiệm, các mẫu da tổn thương, vảy, máu được chống đông bằng EDTA hoặc gạc nước bọt. Vảy và da dễ thu mẫu và có thể được gửi đi mà không cần bảo quản trong môi trường vận chuyển chỉ cần để trong ống lấy mẫu sạch hoặc các loại dụng cụ khác.

5. Phòng, chống bệnh

Kinh nghiệm phòng, chống dịch bệnh tại các nước châu Âu và Tây Á cho thấy các biện pháp phòng, chống bệnh chính bao gồm: Phát hiện sớm các trường hợp trâu, bò mắc bệnh; tiêu hủy trâu, bò mắc bệnh; tiêm phòng vắc - xin viêm da nổi cục cho trâu, bò.

Đối với những nước không có dịch bệnh, cần hạn chế nhập khẩu trâu, bò và một số sản phẩm trâu, bò; áp dụng biện pháp giám sát phát hiện bệnh trong phạm vi tối thiểu là 20 km từ quốc gia hoặc vùng có dịch.

Đối với những nước có dịch bệnh, hạn chế vận chuyển trâu, bò trong khu vực có dịch; tiêu hủy trâu bò biểu hiện triệu chứng lâm sàng và tiêm phòng □

CỤC THỦ Y

Quy trình này được áp dụng để quản lý tổng hợp bệnh thối thư và thối nâu gây ra trên cam tại Tuyên Quang và các tỉnh có điều kiện sinh thái và canh tác tương tự.

1. Bệnh thối thư do nấm *C. gloeosporioides*

a. Triệu chứng bệnh:

- Trên lá: Bệnh có thể gây hại ở nhiều vị trí khác nhau, nhưng bệnh thường gây hại ở chóp lá và mép lá. Vết bệnh có màu vàng nâu, hình hơi tròn, sau đó vết bệnh lớn dần, xung quanh có viền nâu đậm, giữa vết bệnh màu vàng nhạt, vết bệnh có nhiều vòng đồng tâm và trên bề mặt vết bệnh có những chấm đen nhỏ li ti, đó là các ổ nấm và làm cho vòng đồng tâm có màu đậm hơn. Nhiều vết bệnh liên kết lại làm lá bị cháy thành mảng lớn, rụng sớm, ảnh hưởng đến sinh trưởng của cây.

- Trên hoa: Bệnh tạo thành các đốm bệnh có màu nâu cam trên cánh hoa, làm rụng hoa để lại cuống, đài hoa.

- Trên quả: Bệnh xuất hiện những đốm nhỏ tròn, màu vàng nhạt trên vỏ quả, vết bệnh hơi lõm vào vỏ. Vết bệnh trên vỏ bị khô sần sùi, bệnh càng nặng, vết bệnh càng lan rộng. Khi quả bị nứt do bệnh thối thư thì ngay vết bệnh có nhựa chảy ra (điều kiện ẩm độ cao). Lá và quả thường bị rụng, cành bị khô.

b. Tác nhân gây bệnh:

Do nấm *Colletotrichum gloeosporioides* gây ra.

c. Đặc điểm gây hại và phương thức lây lan:

Bệnh thối thư phát triển và gây hại nhiều trong mùa mưa. Nấm bệnh tồn tại trong tàn dư thực vật từ mẫu bệnh. Các quả nằm khuất trong tán cây thường bị bệnh nặng hơn. Nấm không những ký sinh trên mô sống mà còn có thể sống hoại sinh trên những mô cây chết hoặc bên dưới tán cây có mùi, được xem như là vi sinh vật xâm chiếm thứ cấp. Bào tử nấm gây bệnh lây lan chủ yếu qua nước mưa, bộ phận cây bị nhiễm bệnh, hom giống, qua gió, nguồn nước tưới ô nhiễm và qua dụng cụ cắt tỉa.

QUY TRÌNH QUẢN LÝ TỔNG HỢP BỆNH THỐI RỤNG QUẢ

Do bệnh thán thư và thối nâu trên cây cam



Các triệu chứng bệnh thán thư (*C. gloeosporioides*) trên lá cây cam sành

2. Bệnh thối nâu do nấm *Phytophthora* spp.

a. Triệu chứng bệnh:

Triệu chứng đầu tiên xuất hiện là sự biến đổi màu nhẹ của vỏ sang màu nâu nhạt. Tổn thương vỏ giống như bị úng nước, nhưng nhanh chóng chuyển sang mềm dần và có một màu nâu oliu. Trên vỏ các vùng nấm trắng phát triển, có thể nhìn thấy được, nấm xuất hiện nhanh trên bề mặt quả trong điều kiện ẩm ướt. Sau một thời gian xâm nhiễm và gây bệnh, quả bị mềm và rụng.

b. Tác nhân gây bệnh:

Phytophthora citrophthora,
Phytophthora nicotianae

c. Đặc điểm gây hại:

Phytophthora là một loài nấm đất, nấm thủy sinh nên khả năng lây lan bệnh rất nhanh và phụ thuộc vào độ ẩm cao, mưa. Nấm *Phytophthora* có thể nảy mầm xâm nhập trực tiếp qua lớp biểu bì còn nguyên vẹn của cây nhờ vũ khí cơ học (giác bám) và vũ khí hóa học (các enzym thủy phân). Vào mùa mưa ở các vườn trồng mật độ dày, kém thoát nước, độ ẩm không khí cao thì nấm *Phytophthora* dễ tấn công và gây hại nặng.

3. Biện pháp quản lý bằng sử dụng sản phẩm nano

Kết quả thử nghiệm các sản phẩm nano bạc, đồng, kẽm và nano hợp kim bạc đồng từ trong phòng thí nghiệm đến các thí nghiệm đồng ruộng đã chứng minh được sản phẩm nano hợp

kim bạc đồng cho hiệu quả phòng trừ bệnh thán thư (*Colletotrichum gloeosporioides*) và thối nâu (*Phytophthora* spp.) cho hiệu quả đạt cao nhất. Do đó quy trình hướng dẫn sử dụng sản phẩm nano hợp kim bạc đồng để phòng trừ bệnh thán thư và đốm nâu gây thối rụng quả cam trước thu hoạch được sử dụng chế phẩm này và quy trình sử dụng như sau:

Liều lượng: 0,2 – 0,25%. Cách dùng: pha 50 – 75 ml/bình 25 lít hoặc 400 – 500 ml/200 lít, phun ướt đều cây.

Thời điểm: Phun 3 đợt, mỗi đợt 2 lần cách nhau 15 ngày. Đợt 1: vào thời điểm đậu quả ổn định (tháng 3 - 4); Đợt 2: vào mùa mưa (tháng 6 - 7); Đợt 3: vào giai đoạn quả chuyển sang chín (tháng 9 - 10); Thời gian cách ly 3 - 5 ngày.

4. Các biện pháp khác

a. Biện pháp giống: Sử dụng cây giống sạch bệnh được sản xuất từ cây mẹ S0, cây đầu dòng sạch bệnh trong hệ thống nhà lưới 3 cấp tại các cơ sở có uy tín, cây sinh trưởng và phát triển tốt.

b. Biện pháp canh tác:

- Vệ sinh đồng ruộng: Thường xuyên thăm vườn, làm cỏ, cắt bỏ cành, quả sâu bệnh, tàn dư cây bệnh, thu gom và tiêu hủy. Quét vôi toàn bộ gốc và thân cây 2 lần/năm, quét cao 1 - 1,2 m.

- Hệ thống tưới và thoát nước: Vườn trồng phải có hệ thống tiêu thoát nước nhanh khi có mưa to,

mực nước mương nên cách líp ít nhất từ 40 - 50 cm, xẻ rãnh thoát nước tốt nhằm tránh ngập úng cục bộ đối với những vùng có địa hình không bằng phẳng. Đối với những vườn trồng mới, cần chú ý đến yêu cầu kỹ thuật trong việc thiết kế vườn trồng để đảm bảo sự bền vững của vườn về lâu dài.

- Cắt tỉa:

Cắt tỉa sau thu hoạch: Cắt bỏ đoạn cành đã cho quả, cành vượt, cành trong tán, cành sâu bệnh, cành la sát đất ...

Cắt tỉa vụ xuân: Sau đậu quả ổn định (tháng 2 - tháng 3 dương lịch), tỉa nhẹ các cành vượt, cành sâu bệnh, cành mọc trong tán, những chùm quả quá nhiều, quả dị hình cong vẹo.

Cắt tỉa vụ hè: Tháng 5 - 6, tỉa bỏ lộc hè mọc quá dày và yếu, lộc trong tán, cành sâu bệnh, cành vượt, quả nhỏ, dị hình và tỉa thưa chùm quả dày.

- Bón phân:

+ Thời điểm và liều lượng bón:

Lần 1 (sau khi thu hoạch tháng 12 năm trước đến tháng 1 năm sau): Bón vôi + 100% phân hữu cơ + 100% lân + 1/3 đạm + 1/3 Kali.

Lần 2 (khi đậu quả ổn định, tháng 3 - tháng 4): 1/3 đạm + 1/3 Kali

Lần 3 (Nuôi quả, tháng 7 - tháng 8): 30% đạm + 30% Kali

+ Cách bón:

Bón phân hữu cơ: Đào các rãnh hình vành khăn hoặc các hố xung quanh rìa tán cây, sâu và rộng 30 cm. Trộn đều phân với đất, lấp đất và tưới nước.

Bón phân vô cơ: Xới nhẹ đất, rải phân theo hình chiếu của tán sau đó tưới ẩm. Có thể sử dụng thêm phân bón qua lá và các sản phẩm phân bón vi lượng.

c. Biện pháp sinh học:

Sử dụng phân chuồng hoại mục ủ phối trộn cùng chế phẩm nấm đối kháng *Trichoderma* và nấm *Metarhizium* để xử lý đất nhằm hạn chế nấm bệnh và sâu gây hại trong đất

BBT(gt)

QUY TRÌNH QUẢN LÝ TỔNG HỢP BỆNH HÉO VÀNG LÁ CHUỐI

I. Nguyên nhân, triệu chứng và đặc điểm phát sinh gây hại

1. Nguyên nhân

Bệnh héo vàng lá chuối (bệnh héo rũ Panama) do nấm *Fusarium oxysporum f. sp. cubense* gây ra.

2. Triệu chứng

Cây chuối nhiễm bệnh thường có hiện tượng vàng từ lá già bên dưới, sau đó lan dần lên các lá non. Triệu chứng vàng phát triển từ bìa lá và lan vào hướng gân lá. Lá bị bệnh thường héo, cuống gãy và lá treo trên thân giả, đôi khi cuống lá cũng bị gãy ở phần giữa phiến lá. Trên cây bị bệnh, các lá già bị héo khô quanh thân giả, chỉ còn một số lá đọt xanh và mọc thẳng, các lá đọt này có màu xanh nhạt hay hơi vàng hoặc bị méo mó, nhăn nheo, cuối cùng cũng bị héo úa.

Cây bệnh chết nhưng thân không ngã đổ, các bẹ ngoài bị nứt dọc, các chồi con vẫn phát triển từ thân chính nhưng sau đó cũng bị héo rụi. Cắt ngang thân giả bị bệnh sẽ thấy các bó mạch bị đổi màu nâu vàng, cắt ngang thân thật (củ chuối) các mạch có màu đỏ nâu và bốc mùi hôi.

Bệnh héo vàng lá chuối xuất hiện và gây hại tập trung tại vùng chuối trồng từ 3 năm trở lên, các vùng trồng lâu năm thì tỷ lệ cây bị bệnh càng cao. Bệnh có thể phát sinh và gây hại trong bất kỳ giai đoạn sinh trưởng của cây chuối. Bệnh biểu hiện rõ nhất ở giai đoạn cây chuối ra hoa và phát triển quả non.

3. Đặc điểm phát sinh, gây hại

a. Đặc điểm phát sinh, phát triển của bệnh

Bệnh héo vàng lá chuối gây chết cây chuối dần dần do nấm xâm nhập, phát triển và gây hại trong mạch dẫn. Khi cây chuối bị bệnh chết, bào tử được giải phóng vào trong đất khi cây, củ và rễ bị phân hủy. Trong đất, bào tử nấm nảy mầm và xâm nhập vào tế bào của rễ cây chuối rồi phát triển thành sợi nấm gây hại rễ. Nấm



Triệu chứng ban đầu trên cây non



Triệu chứng thối, nứt trên cây chuối



Mặt cắt dọc thân cây chuối bị thối phần lõi



Mặt cắt ngang thân cây chuối bị bệnh

dễ dàng xâm nhập hơn qua vết thương cơ giới trên rễ do tuyến trùng, dụng cụ làm vườn gây ra. Rễ nhỏ thứ cấp hoặc rễ non bị xâm nhiễm gây hại trước, sau đó nấm phát triển, đi theo mạch dẫn vào thân chính (củ chuối) và lên thân giả (thường gọi là thân chuối) đến cuống lá và cuống buồng chuối làm nghẽn mạch dẫn dinh dưỡng, dẫn đến cây chuối thiếu dinh dưỡng, lá vàng, quả kém phát triển và chết cây.

b. Tác hại của bệnh

Bệnh làm cho các lá bị héo vàng từ dưới lên trên, làm cho cây chuối bị chết dần dần. Các cây bị bệnh tuy có cho các chồi mọc từ thân chính nhưng các chồi này cũng bị héo rụi nên không thể để lưu gốc cho vụ sau hoặc sản xuất cây giống mới. Cây bị bệnh thường không cho thu hoạch hoặc vẫn cho thu hoạch nhưng phẩm chất quả rất kém. Bệnh lây lan và gây hại nghiêm trọng cho các vùng trồng chuối với tỷ lệ cây bị bệnh lên tới 80% nếu không được xử lý.

c. Phương thức lây lan

Nấm bệnh lây lan chủ yếu qua giống, dụng cụ, phương tiện và qua dòng nước, cụ thể:

- Qua giống: Nguồn bệnh lây lan mạnh qua cây giống được lấy từ khu vực đã bị nhiễm bệnh; giống nuôi cấy mô cũng có khả năng nhiễm bệnh nếu quy trình sản xuất không đảm bảo an toàn.

- Qua đất, vật liệu, dụng cụ: Nấm tồn tại trong đất và có thể sống nhiều năm ngay cả khi không có cây chuối, chúng có thể tồn tại trong xác thực vật, cây bị nhiễm bệnh dù cây đã chết; nấm lây lan từ nơi này sang nơi khác qua con người, động vật thông qua đất bám trên chân, giày dép, bánh xe, dụng cụ làm vườn...

- Qua nước: Bào tử nấm bệnh có thể trôi theo dòng nước chảy ra bề mặt như nước sông từ đầu nguồn chảy xuống cuối nguồn; nước tưới hoặc nước mưa chảy tràn từ cây này sang cây khác, từ vườn này sang vườn khác

II. Biện pháp phòng, chống bệnh héo vàng lá chuối

A. Biện pháp phòng, chống bệnh

1. Thông tin tuyên truyền

Đẩy mạnh thông tin truyền thông về phân bố, tác hại và biện pháp ngăn ngừa bệnh héo vàng lá chuối cho người trồng chuối trên các phương tiện truyền thông.

2. Kiểm soát nguồn giống

Tăng cường công tác kiểm dịch nội địa đối với các lô vật liệu chuối giống, đặc biệt là việc mua bán, vận chuyển giống từ các địa phương đã xuất hiện bệnh héo vàng lá chuối. Nghiêm cấm việc vận chuyển, buôn bán và sử dụng vật liệu chuối giống bị nhiễm nấm gây bệnh héo vàng lá chuối. Kiểm tra các cơ sở sản xuất giống chuối ở địa phương để phát hiện, tiêu hủy kịp thời các lô giống chuối bị bệnh héo vàng. Kiểm soát chặt chẽ việc ra vào trang trại trồng chuối; khử trùng giày dép, bánh xe, công cụ canh tác để ngăn ngừa sự xâm nhập của nguồn bệnh vào trang trại trồng chuối.

3. Sử dụng giống sạch bệnh, giống kháng bệnh

Tại các vùng trồng chuối sử dụng giống chuối khỏe và sạch bệnh từ các cơ sở cung cấp có uy tín. Tuyệt đối không dùng chuối từ các vườn bị nhiễm bệnh để làm giống.

Giống sạch bệnh, kháng bệnh, nhiễm nhẹ với bệnh được hiểu như sau:

- Giống sạch bệnh: Là giống được nhân từ những vườn chuối sạch bệnh bằng phương pháp vô tính (tách chồi) hoặc nuôi cấy mô. Tại các vùng trồng chuối tập trung sử dụng giống chuối cấy mô vừa là những giống sạch bệnh vừa sinh trưởng và phát triển đồng đều.

- Giống kháng bệnh: Là những giống chuối có chứa gen kháng được bệnh khi trồng tại các vùng bị bệnh không bị nhiễm bệnh.

- Giống nhiễm nhẹ: Là những giống chuối khi được trồng trong vùng bị bệnh thì bị nhiễm bệnh nhẹ hơn so với các giống khác.

4. Biện pháp canh tác

a. Xử lý đất, cây trồng

- Đất trồng: Chọn đất có độ pH trung tính để hạn chế vi sinh vật gây hại phát sinh.

- Hồ trồng: Trước khi trồng bón lót vào các hố trồng bằng vôi bột, phân chuồng mục ủ hoai mục cùng với chế phẩm nấm *Trichoderma* để khử trùng, phòng bệnh, cải thiện độ pH của đất.

- Cây giống trước khi trồng: Cắt sạch rễ và đất ở gốc chuối con rồi nhúng gốc vào dung dịch Bordeaux hoặc các thuốc gốc đồng trong 10 - 15 phút để diệt trừ mầm bệnh.

b. Bón phân

Trong quá trình chăm sóc, sử dụng phân chuồng đã hoai mục, bón đầy đủ, cân đối N-P-K trong bón lót và bón thúc, hạn chế bón phân đạm Amon (NH₄), thay bằng bón phân đạm Nitrat (NO₃).

Nên bón vôi bột khử trùng trước khi trồng, bổ sung vôi bột trong quá trình canh tác để cải thiện pH đất.

c. Quản lý nước

Bố trí hệ thống thoát nước dạng xương cá để nước mưa, nước tưới không chảy tràn trên bề mặt và không chảy tràn từ vườn nọ sang vườn kia (nhất là vào mùa mưa); không nên để ẩm độ đất quá cao trong thời gian dài.

d. Vệ sinh đồng ruộng

- Thường xuyên kiểm tra, loại bỏ các lá già, lá vàng nghi bị bệnh đem tiêu hủy (phơi khô rồi đốt).

- Khi phát hiện cây bệnh phải đốn bỏ, đào củ và thu gom toàn bộ đem tiêu hủy bằng cách phơi khô rồi đốt hoặc ủ kín trong bể xi măng hoặc lót ny-lon để bào tử nấm bệnh không lây lan ra đất, nước; rắc vôi bột vào hố đào gốc để khử trùng đất hoặc đổ trấu vào hố rồi đốt.

e. Luân canh cây trồng

Thay giống: Những nơi chuối tiêu bị bệnh héo vàng gây hại nặng có thể chuyển sang trồng chuối tây (ít bị bệnh hơn), trồng giống chuối kháng bệnh hoặc giống nhiễm nhẹ.

- Luân canh: Luân canh cây chuối với cây trồng khác (chuối - mía; chuối - sắn); chuối - cây họ đậu, ...) từ 2 - 3 năm.

5. Biện pháp sinh học

Tưới hoặc bón chế phẩm nấm *Trichoderma* cùng phân chuồng trước khi trồng hoặc tưới vào vùng rễ chuối để phòng, chống bệnh héo vàng lá chuối.

B. Biện pháp xử lý vườn chuối bị nhiễm bệnh

1. Xử lý nấm gây bệnh và tuyến trùng

Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cho cả vườn chuối như Muc 5 phần A và Muc 3 phần B, trong đó ưu tiên sử dụng chế phẩm sinh học *Trichoderma*. Biện pháp này áp dụng cho những vườn chuối bị nhiễm bệnh nhẹ < 30%.

2. Quản lý nguồn bệnh và tiêu hủy, khử trùng

- Hạn chế ra vào vườn chuối bị bệnh; khử trùng giày dép, bánh xe, công cụ canh tác để ngăn ngừa lây lan nguồn bệnh ra ngoài.

- Tuyệt đối không vận chuyển, buôn bán và sử dụng chuối con ở vườn đã bị bệnh.

- Kiểm tra phát hiện những cây bị bệnh nặng không có khả năng cho năng suất phải chặt bỏ, đào củ và thu gom toàn bộ đem tiêu hủy; rắc vôi bột vào hố đào gốc đã đào để khử trùng đất hoặc đổ trấu vào hố rồi đốt.

- Sau khi thu hoạch hoặc tiêu hủy vườn chuối bị bệnh cần trồng giống kháng, giống chuối tây hoặc chuyển đổi trồng cây khác trong 2 - 3 năm.

Các biện pháp này áp dụng cho những vườn chuối bị nhiễm bệnh ở mức trung bình từ 30 - 70%.

3. Biện pháp hóa học

Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam có hoạt chất Zineb, Propiconazole, Difenconazole, Hexaconazole, ... để phòng trừ nấm gây bệnh; thuốc bảo vệ thực vật có hoạt chất Carbosulfan để phòng trừ tuyến trùng gây hại rễ. Liều lượng, nồng độ thuốc theo khuyến cáo của nhà sản xuất ghi trên bao bì.

Các biện pháp này áp dụng cho những vườn chuối bị nhiễm bệnh ở mức nặng >70% □

CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT

MỘT SỐ KINH NGHIỆM ƯƠNG NUÔI CÁ CHÌNH TỪ CÁ HƯƠNG LÊN CÁ GIỒNG

Cá chình là loài cá mang lại kinh tế cao cho người nuôi. Trong quá trình nuôi, để rút ngắn thời gian nuôi và nâng cao chất lượng con giống; cần ương cá con đánh bắt trong tự nhiên có trọng lượng 0,5 - 1 g/con lên mức 10 - 15 g/con. Một số kinh nghiệm nuôi cá chình từ cá hương lên cá giống như sau:

1. Tiêu độc cho cá

Ngâm cá vào trong dung dịch nước muối 5 - 7‰, từ 1 - 2 ngày, hoặc 15 - 30‰ từ 15 - 30 phút. Ngoài ra có thể sử dụng 1 trong 3 loại hoá chất: $KMNO_4$: 1 - 3 ppm; $CuSO_4$: 0,3 - 0,5 ppm; Formalin: 1 - 3 ppm.

2. Ao ương.

Diện tích ao: 50 - 100 m², nước sâu từ 50 - 60 cm; Ao ương cho tháng thứ hai 100 - 200 m², nước sâu từ 70 - 80 cm; ao ương cho tháng thứ ba 300 - 400 m², nước sâu từ 70 - 80 cm.

3. Nhiệt độ nước ao

Nhiệt độ tốt nhất khoảng 28°C. Nếu quản lý chăm sóc tốt, tỷ lệ sống có thể đạt 80 - 95%.

Lưu ý, không nên để nhiệt độ nước trong ao hạ xuống dưới 22°C, vì cá dễ bị bệnh nấm thủy mi bám quanh thân.

4. Mật độ thả cá

Mật độ tốt nhất để thả ương cá hương là 0,3 - 0,5 kg cá/m³ nước ao/bể ương. Sau đó giảm dần mật độ qua các tháng tiếp theo.

5. Cách cho ăn

Trong 2 ngày đầu tiên thả cá, cho ăn Cladocera (giáp xác nhỏ).

Ngày thứ 3 và thứ 4: Cho cá ăn hồng trần (trứng nước) 3 lần (sáng, chiều, tối), lượng hồng trần bằng 30 - 35 % trọng lượng cá trong ao.

Ngày thứ 5: Trộn 10 - 30% thức ăn hỗn hợp với hồng trần nghiền vụn rồi cho cá ăn.

Ngày thứ 6 đến 10: mỗi ngày tăng thêm 10% thức ăn tổng hợp đến ngày thứ 10 thức ăn tổng hợp chiếm 80%.

Ngày thứ 15 trở đi: Cho cá ăn hoàn toàn bằng thức ăn tổng hợp với lượng bằng 10 - 15% trọng lượng cá. Mỗi ngày, cho ăn 2 lần vào lúc 7 - 8 giờ sáng và 4 - 5 giờ chiều.

Nếu nhiệt độ trong ao hạ xuống dưới 15°C, chỉ cho ăn 1 lần/ngày hoặc không cho ăn.

Trong lúc cho ăn, không sục khí, chỉ cần tập cho cá quen dần với việc ăn vào ban ngày.

Nên sử dụng thức ăn mềm để cá dễ ăn, nhưng không sử dụng loại quá mềm.

6. Chăm sóc và quản lý

Muốn cá tăng trưởng nhanh, ít bệnh, cần bảo đảm những thông số sau:

- Các chỉ tiêu hoá học: Hàm lượng ô - xy tốt nhất khoảng 5 mg/l trở lên, dưới 4 mg/l cá không phát triển được. Độ pH = 7 - 8,5.

Độ trong của nước tốt nhất là trên dưới 40 cm, không được dưới 20 cm.

- Chăm sóc ao: Hằng ngày, phải xi phông đáy ao, loại bỏ chất thải và rác đáy ao; làm giảm lượng NH_3 và H_2S gây độc cho cá, sau đó bơm thêm nước mới vào (mỗi ngày thay nước mới ½ lượng nước ao).

Sử dụng máy sục khí để làm tăng ô - xy hoà tan trong nước (loại bơm nén khí 0,03 m³/giờ). Nếu ương nhiều ao, mỗi ao có ít nhất một vài máy (mỗi máy dùng cho 40 viên đá bọt). Tính trung bình, sử dụng một viên đá bọt cho 2,5 m³ nước để đảm bảo mỗi lít nước 5 mg ô - xy hoàn toàn.



Ngoài ra, có thể dùng thêm máy quạt nước (2 máy 0,55 KW/ao). Máy này vừa cấp ô - xy vừa tạo thành dòng chảy trong ao.

- Phân loại cá để nuôi:

Khoảng 20 - 30 ngày, nên phân loại cá một lần, trước khi phân đàn 12 giờ, không cho cá ăn. Sau khi phân loại 30 - 40 phút cho cá ăn lại như thường lệ.

Nên phân loại cá có kích cỡ nhỏ để nuôi riêng, còn cá trung bình và lớn có thể thả nuôi chung.

- Nuôi ghép:

Có thể nuôi ghép cá chình với những loại khác không cạnh tranh thức ăn với cá chình như: mè trắng, mè hoa, chép, diếc... Những loài cá này ăn chủ yếu những loài thức ăn có sẵn trong ao, đặc biệt những sinh vật phù du, như vậy sẽ làm sạch nước ao, có lợi cho môi trường nuôi. Ngoài ra còn giúp tăng thêm sản lượng, cải thiện thu nhập. Tỷ lệ thả ghép: 40 - 50 con cá các loại kể trên/1.000 m² ao □

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA

MỘT SỐ KINH NGHIỆM TRỒNG CÂY GIỎI ĂN HẠT BẰNG CÂY GHÉP

Gioi ăn hạt (gioi, gioi ngọt, gioi lúa) là cây bản địa gỗ lớn, thường xanh, cao 25 - 30 m, thân tròn thẳng, gốc có bạnh về nhỏ. Gioi thường phân bố từ Lào Cai đến các tỉnh Bắc Trung Bộ và Tây Nguyên. Gioi ăn hạt là cây có giá trị kinh tế cao. Dưới đây, chúng tôi giới thiệu đến bà con nông dân một số kinh nghiệm trồng cây gioi ăn hạt.

1. Điều kiện gây trồng

- Khí hậu: Lượng mưa trung bình từ 1.500 - 2.500 mm/năm và lượng mưa phân bố đều giữa các tháng trong năm; không có các hiện tượng cực đoan như sương giá, sương muối, nhiệt độ thấp dưới 0°C.

- Địa hình: Độ cao so với mực nước biển dưới 1.500 m; đất có độ dốc dưới 35°C.

- Đất đai: Đất feralit đỏ vàng, vàng đỏ, xám vàng phát triển trên sa thạch, phiến thạch, đá mắc ma axit, phiến thạch mica, granit, bazan, liparit; đất còn tính chất đất rừng, sâu, ẩm, thoát nước. Độ dày tầng đất trên 50 cm; pH: 3 - 5; hàm lượng mùn trên 2%.

- Thực bì: Bao gồm trảng cỏ, cây bụi đang phục hồi, rừng thứ sinh nghèo sau khai thác, vườn hộ, vườn rừng.

2. Kỹ thuật trồng, chăm sóc

- Nguồn gốc cây ghép: Cành ghép được lấy từ những cây trội và vườn vật liệu đã được xây dựng để cung cấp cành ghép.

- Tiêu chuẩn cây giống: Tuổi cây ghép 4 - 6 tháng; Chiều cao từ mặt bầu \geq 40 cm, chiều dài cành ghép \geq 20 cm. Cây sinh trưởng tốt, vết ghép liền sẹo, cây không cong queo, sâu bệnh. Cây đã được đào bầu và giảm nước tưới trước khi trồng 15 - 30 ngày.

- Mật độ trồng: Trồng tập trung mật độ 500 cây/ha (cự ly 4 x 5m); trồng phân tán với các diện tích nhỏ hơn 0,5 ha.

- Xử lý thực bì: Phát thực bì toàn diện, cắt thành đoạn nhỏ rải khắp bề mặt, không đốt vật liệu hữu cơ sau phát.

- Làm đất: Nơi có điều kiện thuận lợi, độ dốc dưới 15% làm đất toàn diện bằng cách phát thực bì, cày xới toàn bộ diện tích bằng cơ giới. Nơi có độ dốc trên 15% làm đất cục bộ, đào hố kích thước 50 x 50 x 50 cm. Hố đào trước khi trồng ít nhất 1 tháng để phơi ải. Lớp đất mặt để riêng để trộn với phân bón lót và lấp hố.

- Bón lót: Lượng bón cho 1 hố: 2 kg phân vi sinh + 0,5 kg phân NPK (16:16:8), trộn với lớp đất mặt cho xuống dưới hố, lấp hố trước khi trồng 10 - 15 ngày.

- Trồng cây: Thời vụ trồng vào mùa xuân tháng 1 - 3; mùa mưa tháng 6 - 8; sau trồng 1 tháng kiểm tra và trồng dặm những cây bị chết.

- Chăm sóc: Phát thực bì, cỏ dại, xới vụ gốc 4 lần/năm; bón thúc, lượng bón/cây: 1 - 2 kg phân hữu cơ vi sinh + 0,5 - 1 kg phân NPK (16:16:8). Bón 2 lần/năm; lần 1 vào tháng 1 - 2, lần 2 vào tháng 6 - 7. Đào rãnh rộng 10 - 15 cm; sâu 10 - 15 cm, xung quanh gốc đường kính 1 - 1,5 m; rắc đều phân sau đó lấp đất. Năm thứ 2, năm thứ 3 tiến hành chăm sóc như năm thứ nhất.

- Phòng trừ sâu bệnh: Đối với gioi ăn hạt thường hay xuất hiện bệnh đốm lá. Vết bệnh màu nâu đen, gây hại trên mặt lá, vết bệnh tập trung nhiều trên phiến lá. Bệnh gây hại vào mùa mưa ẩm, thiếu ánh sáng. Khi cây bị bệnh tiến hành cắt bỏ những cành lá bị bệnh nặng, thu gom đốt, tránh lây nhiễm nguồn bệnh. Khi chớm bị bệnh bón NPK cân đối, không bón thừa đạm. Sử dụng một trong các loại thuốc Cholorothalonil hoặc Chitosan + Polyoxin hoặc Tricoderma theo hướng dẫn sử dụng.

- Tia cành, tạo tán: Trồng gioi ăn hạt để có năng suất cao cần phải tạo được tán thấp và rộng.

+ Giai đoạn 1: Tiến hành trong 2 - 3 năm đầu, cây cao 1,5 m thì bấm ngọn, để cây ra nhiều nhánh chính, loại bỏ cành yếu và những chồi cành vượt để tạo ra cây thấp có tán rộng bề ngang.

+ Giai đoạn 2: Từ năm thứ 4 trở đi; sau thu hoạch, loại bỏ những cành tăm, cành tán thấp (mọc từ cành cấp 1 và cấp 2) tạo độ thông thoáng để hạn chế sâu bệnh. Thời gian tiến hành tia cành vào tháng 11 - 12 hàng năm □

HOÀNG THỊ THẾ

Trung tâm Khuyến nông Quảng Ninh



KỸ THUẬT Ủ PHÂN HỮU CƠ TỪ PHỤ PHẨM TRỒNG TRỌT VÀ CHẤT THẢI CHĂN NUÔI BẰNG CHẾ PHẨM VI SINH

Phân hữu cơ là loại phân bón có chứa các chất dinh dưỡng đa, trung, vi lượng dưới dạng các hợp chất hữu cơ, dùng trong canh tác và sản xuất nông nghiệp. Phân hữu cơ có nguồn gốc và được hình thành từ tàn dư thân, lá cây, phụ phẩm sản xuất nông nghiệp, phân, chất thải của gia súc, gia cầm... Việc bón phân hữu cơ sẽ giúp cải tạo đất, tăng độ tơi xốp, phì nhiêu cho đất qua việc cung cấp, bổ sung các chất hữu cơ, mùn, vi sinh vật và trả lại lượng hữu cơ cho mặt đất.

1. Kỹ thuật ủ phân hữu cơ từ phụ phẩm trồng trọt

a. Nguyên liệu: 1000 kg nguyên liệu hữu cơ (800 kg phụ phẩm trồng trọt + 200 kg phân trâu/bò/gà) + 1 kg chế phẩm Compost maker - Bio 02 hoặc chế phẩm có hiệu lực tương đương + 5,0 kg vôi bột.

b. Chế phẩm vi sinh: Chế phẩm vi sinh vật Compost Maker - Bio 02 là sản phẩm của đề tài khoa học công nghệ “Nghiên cứu sử dụng nguyên liệu hữu cơ, phân bón hữu cơ nhằm nâng cao hiệu quả của sản xuất một số loại rau, quả ở các tỉnh phía Bắc”. Chế phẩm chứa các chủng vi sinh vật, bao gồm: vi sinh vật phân giải xenlulo/lignin *Trichoderma asperellum* VACC 30032, *Streptomyces malaysiensis* VACC 10025; phân giải phốt phát khó tan *Bacillus methylotrophicus* VACC 151 và lên men khử mùi *Lactobacillus paracasei* VACC 627; mật độ vi sinh vật hữu ích của mỗi loại đạt ≥ 108 CFU/gam. Chế phẩm có tác dụng phân hủy nguyên liệu hữu cơ, lên men khử mùi giúp xử lý nhanh phụ phẩm trồng trọt thành phân bón hữu cơ.

c. Cách thực hiện: Chọn nền đất trống hoặc xi măng, khô ráo. Rạch rãnh xung quanh cho nước chảy vào hố gom nhỏ tránh nước ủ phân chảy ra ngoài khi tưới ẩm quá. Diện tích nền khoảng 3 m²/1 tấn phân ủ.

Bước 1 - Chuẩn bị nguyên liệu:

Phụ phẩm còn tươi sẽ nhanh phân hủy hơn khi để khô. Nếu phế phụ phẩm ở dạng khô, khó phân hủy (rơm rạ khô, thân lá ngô khô, cành lá khô) nên trộn vôi bột với nguyên liệu và tưới nước ẩm hoặc hòa vôi bột với nước sạch tưới đều lên nguyên liệu; đánh đồng, ủ trong thời gian 1 - 2 ngày để nguyên liệu hữu cơ mềm ra trước khi phối trộn các nguyên liệu khác. Nếu nguyên liệu quá dài nên được băm nhỏ thành đoạn 10 - 15 cm.

Bước 2 - Phối trộn nguyên liệu:

Phụ phẩm trồng trọt được trải thành lớp có độ dày 15 - 20 cm; rắc chế phẩm Compost maker - Bio 02 một lớp mỏng lên bề mặt lớp phụ phẩm; tưới nước lên đồng nguyên liệu để độ ẩm đạt khoảng 50 - 55%. Tiếp tục làm từng lớp như trên cho đến hết nguyên liệu.

Bước 3 - Đảo trộn đều khối nguyên liệu:

Đồng nguyên liệu đảo trộn đều và có độ ẩm đạt 50 - 55% (có thể kiểm tra nhanh bằng dùng tay bóp nhẹ nắm nguyên liệu, thấy có ít nước rỉ qua kẽ tay). Nếu nguyên liệu khô, cần bổ sung thêm nước. Kiểm tra pH của hỗn hợp: Nếu pH hỗn hợp < 7 cần bổ sung vôi bột sao cho pH đạt $\geq 7 - 7,5$. Nếu sử dụng ở qui mô công nghiệp: Sử dụng máy xúc, máy trộn để trộn đều nguyên liệu hữu cơ và nguyên liệu bổ sung.

Bước 4 - Ủ:

Chuyển nguyên liệu đã được đảo trộn vào vị trí ủ. Chiều cao đồng ủ cao từ 1,2 - 1,5 m, rộng 2m và chiều dài phù hợp với vị trí ủ và lượng phân ủ. Lưu ý không nén chặt đồng ủ. Che kín bề mặt đồng ủ bằng bạt tối màu để đảm bảo nhiệt độ 40 - 50°C. Luống ủ được coi là đạt yêu cầu khi nhận thấy dấu hiệu hoạt động của vi sinh vật như tạo các lớp màu trắng đồng nhất dạng sợi ngắn trên bề mặt và dưới bề mặt 20 - 30 cm, nhiệt độ khối ủ cao hơn nhiệt độ môi trường ít nhất 20°C trước khi đảo trộn lần 1.

Bước 5 - Đảo trộn:

Đảo trộn đồng ủ sau 7 - 8 ngày và 15 - 17 ngày (tưới bổ sung thêm nước nếu đồng ủ bị khô). Thời gian ủ tùy thuộc vào loại nguyên liệu hữu cơ (rơm rạ: 30 - 35 ngày, thân lá đậu: 35 - 40 ngày, thân lá ngô: 40 - 45 ngày, cỏ: 25 - 30 ngày). Nguyên liệu đạt độ hoai mục khi nhiệt độ của khối nguyên liệu sau khi ủ cao hơn nhiệt độ môi trường tối đa 5°C. Kết thúc quá trình ủ: Sản phẩm được dỡ ra và đảo trộn, đánh đồng và để nguyên 1 - 2 tuần với mục đích ổn định chất lượng trước khi đưa ra sử dụng. Bảo quản phân ủ hoai mục trong điều kiện nhiệt độ không khí bình thường, khô ráo, thoáng mát và tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng mặt trời.

2. Kỹ thuật ủ phân hữu cơ từ chất thải chăn nuôi

a. Nguyên liệu: 1000 kg nguyên liệu hữu cơ (800 kg phân trâu/bò/gà) + 200 kg phụ phẩm trồng trọt) + 1 kg chế phẩm VNUA-MiosV hoặc chế phẩm có hiệu lực tương đương + 5,0 kg vôi bột.

b. Chế phẩm vi sinh: Chế phẩm vi sinh vật VNUA-MiosV là sản phẩm của đề tài khoa học công nghệ “Nghiên cứu sử dụng nguyên liệu hữu cơ, phân bón hữu cơ nhằm nâng cao hiệu quả của sản xuất một số loại rau, quả ở các tỉnh phía Bắc”. Chế phẩm chứa các chủng vi sinh vật sống, đã được tuyển chọn, gồm xạ khuẩn phân giải xenlulo, tinh bột, protein *Streptomyces murinus*; nấm phân giải xenlulo/tinh bột *Trichoderma viride*; vi khuẩn phân giải xenlulo, tinh bột, protein *Bacillus licheniformis*, *Bacillus subtilis*, nấm men, vi khuẩn khử mùi *Sacharomyces cerevisiae*, *Lactobacillus platarum*; mật độ vi sinh vật hữu ích mỗi loại đạt ≥ 108 CFU/g. Chế phẩm có tác dụng phân hủy nguyên liệu hữu cơ, lên men khử mùi giúp xử lý nhanh chất thải chăn nuôi thành phân bón hữu cơ.

c. Cách thực hiện: Cách thực hiện tương tự các bước khi ủ phế phụ phẩm cây trồng. Thời gian ủ phân chuồng: 40 - 45 ngày □

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA



TƯ VẤN KHUYẾN NÔNG

Hỏi: Gia đình tôi có nuôi 200 con cá trắm cỏ được 3 tháng, gần đây cá có dấu hiệu bỏ ăn, xuất hiện nhiều đốm đỏ. Xin hỏi nguyên nhân và biện pháp khắc phục?

Nguyễn Minh Lâm - Thường Tín, Hà Nội

Đáp:

Theo mô tả, cá trắm cỏ có thể mắc bệnh đốm đỏ; do các loài vi khuẩn thuộc giống *Aeromonas* gây ra. Khi mổ ra có một số dấu hiệu bệnh tích như: gan tái nhợt, mật màu sắc đen sẫm, thận nhũn, ruột không có thức ăn, có thể chứa đầy hơi hoặc xuất huyết hoại tử. Tỷ lệ chết có thể lên tới 50 - 70% tổng đàn cá trong ao.

Để điều trị bệnh cần tiến hành tiêu diệt các ổ vi khuẩn có trong ao nuôi bằng cách dùng các thuốc sát trùng mạnh như Iodine hoặc TCCA... tạt đều khắp ao. Sử dụng thuốc KN-04-12 trộn vào thức ăn với liều dùng 4 g/kg cá/ngày, cho ăn liên tục trong 5 - 7 ngày. Bổ sung thêm vitamin C để tăng cường sức đề kháng cho cá.

Hỏi: Cây dưa hấu trồng được 1 tháng, 1 tuần nay bị rụng hết ngọn, xoắn và vàng lá, không ra quả, lá có nhiều đốm đen. Đã phun thuốc nấm. Xin hỏi nguyên nhân và cách khắc phục?

Hoàng Thanh - Quảng Ngãi

Đáp:

Theo mô tả, có thể ruộng dưa hấu của bạn cùng lúc mắc cả 2 loại bệnh hại:

Thứ nhất là bệnh khảm (còn gọi là bệnh giạt ngọn, bệnh đầu lân)

Khi bị nhiễm bệnh, lá bị xoắn lại, ngọn dưa không vươn dài, mà co rút lại thành một cục giống như cái đầu lân và giạt ngược lên trời.

Nguyên nhân: do vi - rút gây hại và được lây truyền bởi các loại côn trùng chích hút, trong đó chủ yếu là bọ trĩ (còn gọi là bù lạch hoặc rầy lửa).

Biện pháp phòng trị: Để phòng ngừa bệnh khảm, phải phòng trừ bọ trĩ bằng cách kết hợp một số biện pháp sau đây:

- Không trồng dưa hấu và những cây thuộc họ bầu bí liên tục nhiều năm trên một ruộng, một khu vực. Thực hiện luân canh cây trồng, cứ hai vụ trồng dưa thì luân canh với một vụ lúa nước hoặc những loại rau màu khác như rau cải, hành, mùi, đậu, ớt...

- Phủ bạt ny - lon (màng phủ nông nghiệp) trên luống dưa, vừa hạn chế cỏ dại và một số bệnh gây hại cho cây dưa, vừa tiết kiệm lượng nước tưới... Ngoài ra, màu bạc của tấm bạt sẽ có tác dụng xua đuổi bọ trĩ trưởng thành đến đẻ trứng, sinh con đẻ cái.

- Nhổ bỏ những cây bị bệnh, đưa ra khỏi ruộng để tiêu hủy, tránh bệnh lây lan sang những cây khác.

- Kiểm tra ruộng dưa thường xuyên (chú ý quan sát kỹ các đợt non và mặt dưới của những lá non), nếu thấy có nhiều bọ trĩ thì sử dụng luân phiên một trong các loại thuốc: Cyperan 5EC hoặc 10EC, Vifast 5ND hoặc 10SC, Confidor 100SL, Regent 800WG, Polytrin 440EC, Selecron 500EC... Do bọ trĩ nằm sâu bên trong đợt, nên dùng bình xịt có áp suất mạnh để xịt trực tiếp lên các đợt non thì hiệu quả mới cao.

Thứ hai là bệnh thán thư.

Trên lá, vết bệnh có những thê nhỏ li ti màu đen, vết bệnh khô và làm rách lá. Trên trái, vết bệnh có màu nâu đen, hình tròn, đường kính khoảng 2 - 4 mm.

Bệnh do nấm *Colletotrichum lagenarium* gây hại cho tất cả các loại dưa hấu.

Biện pháp phòng trị: Không để hạt giống từ những trái bị bệnh; xử lý hạt giống; thu dọn kỹ tàn dư cây

bệnh trên đồng sau thu hoạch; cày sâu, luân canh cây trồng khác họ; tiêu hủy các bộ phận bị bệnh và khử vôi để tránh lây lan; làm luống cao, thoát nước tốt; tăng cường bón lân và kali, tránh bón thừa đạm. Khi bệnh chớm xuất hiện, phun một trong các loại thuốc sau: Antracol 70WP, Plant 50WP, Mexyl-MZ72 WP, Map Green 10AS, Daconil 75WP. Chú ý, bảo đảm thời gian cách ly để không còn tồn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong nông sản.

Hỏi: Xin quý báo cho biết phương pháp cai sữa cho lợn con

Nguyễn Thị Hà - Bình Phước

Đáp:

- Nên cai sữa cho lợn con trong khoảng 5 - 6 tuần tuổi đối với lợn nội, 3 - 4 tuần đối với lợn lai, lợn ngoại.

- Chỉ cai sữa cho lợn con khi lợn con đã ăn quen thức ăn tập ăn. Không cai sữa khi trong đàn đang có lợn con ốm. Lợn con có thể cai sữa sớm hoặc muộn phụ thuộc vào thể trạng của lợn mẹ và lợn con.

- Trong thời gian từ 3 - 5 ngày trước khi cai sữa, hạn chế lượng thức ăn, nước uống hàng ngày của lợn mẹ, không cho lợn mẹ ăn rau xanh và củ quả để giảm dần tiết sữa.

- Trước khi cai sữa lợn con từ 3 - 5 ngày, hạn chế dần số lần cho bú. Thời điểm tách lợn con và lợn mẹ tốt nhất là vào ban ngày.

- Khi cai sữa, nên để lợn con lại chuồng một thời gian để tránh lợn con bị thay đổi môi trường đột ngột và chuyển lợn mẹ đi nơi khác nếu có điều kiện.

- Tách con ra khỏi mẹ.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

GIÁ KHOAI LANG TÍM NHẬT GIẢM MẠNH

Những ngày qua, giá thu mua khoai lang tím Nhật tại huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long giảm mạnh, khiến nhiều nông dân gặp khó khăn. Hiện nay, giá khoai chỉ còn hơn 600 đồng/kg. Hàng trăm ha khoai lang đã tới kỳ thu hoạch nhưng vẫn không bán được do giá giảm thấp và thương lái không thu mua.

Năm nay năng suất khoai lang đạt khá, bình quân 3 tấn/1.000 m². Với mức giá hiện tại thì người dân chỉ thu được 1,8 triệu đồng/1.000 m², lỗ khoảng 15 triệu đồng/1.000 m², nếu thuê đất trồng thì lỗ khoảng 20 triệu đồng/1.000 m². Theo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Bình Tân, diện tích khoai lang xuống giống bình quân hàng năm trên địa bàn từ 12.000 - 13.000 ha, ước sản lượng khoảng 360.000 - 390.000 tấn/năm. Từ đầu năm đến nay, diện tích khoai lang xuống giống là 7.052 ha, ít hơn cùng kỳ 2.212 ha. Với giá khoai tím Nhật như hiện nay thì thu hoạch 1.000 m² khoai chỉ đủ trả tiền thuê nhân công.

Trước những khó khăn của nông dân, các địa phương có diện tích trồng khoai trên địa bàn huyện Bình Tân đã vận động các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh kêu gọi hỗ trợ tiêu thụ nông sản cho người dân.

Theo Vinanet

GIÁ TIÊU TĂNG VÌ SẢN LƯỢNG GIẢM 25%

Giá tiêu lấy lại mốc trên 70.000 đồng/kg khi sản lượng của vụ thu hoạch 2021 giảm tới 25% so với cùng kỳ năm ngoái. Cục Xuất nhập khẩu dự báo giá hạt tiêu toàn cầu sẽ tăng trong thời gian tới, song mức tăng không lớn.

Theo Tổ chức Hỗ tiêu Quốc tế (IPC), giá tiêu Việt Nam trong nước và quốc tế cho thấy chiều hướng tích cực trong tuần này khi vụ thu hoạch 2021 của Việt Nam đạt 180 nghìn tấn, giảm 40 nghìn tấn so với dự báo trước đó. Đồng thời, con số này cũng thấp hơn 60 nghìn tấn (tương đương 25%) so với vụ thu hoạch 2020. Việc nguồn cung giảm đã tác động tích cực đến giá tiêu Việt Nam, cụ thể, giá tiêu trong tháng 5 tăng mạnh 5 - 8% tùy khu vực, dao động trong khoảng 69.000 - 72.500 đồng/kg. Trong đó, giá tiêu cao nhất ghi nhận ở tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Theo Hiệp hội Hỗ tiêu Việt Nam, những năm gần đây, do giá tiêu giảm mạnh, người dân không còn vốn để đầu tư chăm sóc.

Ngoài ra, IPC nhận định sản lượng hạt tiêu toàn cầu năm 2021 dự kiến đạt 555 nghìn tấn, giảm 21 nghìn tấn so với năm 2020.

Theo Vinanet

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

GAO ST25 CỦA VIỆT NAM CÓ KHẢ NĂNG CẠNH TRANH TẠI BA LAN

Theo ông Nguyễn Thành Hải, Tham tán, Thương vụ Việt Nam tại Ba Lan. Nước này hiện có nhu cầu lớn những mặt hàng thuộc thể mạnh xuất khẩu của Việt Nam như gạo, cá tra, cá basa, tôm, sản phẩm xoài, dưa, chanh leo, cà phê, hạt điều...

Trong đó, mặt hàng gạo, nhất là gạo ST24 và ST25 có khả năng cạnh tranh được với gạo Thái Lan về chất lượng và giá. Tính toán cho thấy, hiện giá CIF (giá đã bao gồm tiền hàng + bảo hiểm + cước phí tàu) các mặt hàng gạo này của Việt Nam tới các nước châu Âu đang thấp hơn 2-3% so với gạo Thái Lan, kể cả tính thuế nhập khẩu. Trong khi đó, gạo Việt Nam vào EU mới chỉ chiếm 6%, nhưng gạo Thái Lan và Campuchia đạt tỷ trọng cao hơn rất nhiều. "Như vậy, hạn ngạch 80.000 tấn vào EU của Việt Nam theo cam kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA) là một khối lượng rất nhỏ so với nhu cầu nhập khẩu bình quân là 2,3 triệu tấn/năm của các nước EU và Vương quốc Anh", ông Hải thông tin.

Hiệp định EVFTA mà Ba Lan là một thành viên, sẽ mang lại nhiều tác động tích cực đến nhiều mặt của nền kinh tế Việt Nam. Vì qua đó, tác động đến tăng trưởng xuất nhập khẩu của Việt Nam sang thị trường EU nói chung và Ba Lan nói riêng.

Theo Vinanet

GIÁ SỮA THẾ GIỚI TĂNG DO NHU CẦU CAO TỪ TRUNG QUỐC

Hãng Fonterra của New Zealand ngày 26/5 thông báo nâng giá thu mua sữa của người chăn nuôi cho vụ sắp tới do nhu cầu mạnh mẽ đối với các sản phẩm sữa của họ trên thị trường Trung Quốc với giá tăng lên.

Theo đó, hãng xuất khẩu sữa lớn nhất thế giới dự báo giá sữa trong niên vụ 2021 - 2022 đạt trung bình 7,25 - 8,75 NZD/kg sữa khô (trung bình là 8 NZD), cao hơn mức trung bình hiện nay là 7,55 NZD/kg. Hãng này cho biết nhu cầu các sản phẩm sữa trong lĩnh vực dịch vụ thực phẩm ở thị trường Trung Quốc đang tăng rất mạnh. Trung Quốc là thị trường tiêu thụ nhiều nhất của New Zealand.

Giám đốc điều hành của hãng, Miles Hurrell, cho biết: Trung Quốc đang dẫn đầu trong xu hướng hồi phục kinh tế. Tổng sản phẩm quốc nội Trung Quốc ghi nhận trong quý đầu tiên năm 2021 đạt 18,3%, cao vượt trội hơn so với mức tăng trưởng 6,5% trong quý cuối cùng của năm cũ. Sản lượng công nghiệp trong tháng 3 tăng 14,1% so với cùng kỳ năm ngoái; doanh số bán lẻ tăng trong tháng 3 tăng 34,2% so với cùng thời điểm năm 2020; và xuất khẩu tăng mạnh trong tháng 3 cho thấy sự phục hồi kinh tế của nước này khi mà các nước trên thế giới thúc đẩy chương trình tiêm chủng vắc - xin ngừa Covid-19.

Theo Vinanet